

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

45

KINH TẾ ĐÀNG NGOÀI THỜI LÊ - TRỊNH



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Chủ biên
TRẦN BẠCH ĐĂNG
Biên soạn
LÊ VĂN NĂM
Họa sĩ
LÊ PHI HÙNG



LỊCH SỬ VIỆT NAM

BẰNG TRANH

TẬP 45: KINH TẾ ĐÀNG NGOÀI THỜI LÊ - TRỊNH

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Hình vẽ do phòng vẽ “Lịch sử Việt Nam bằng tranh” thực hiện
Họa sĩ thể hiện: Lê Phi Hùng
Biên tập hình ảnh: Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Đồ họa vi tính: Hân Quốc Khánh

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM

Lê Văn Năm

Kinh tế Đàng Ngoài thời Lê Trịnh / Lê Văn Năm ; m.h. Lê Phi Hùng. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2013.

82tr. ; 20cm. - (Lịch sử Việt Nam bằng tranh ; T.45).

1. Việt Nam -- Lịch sử — Triều đại nhà Lê, 1428-1787 — Sách tranh. 2. Việt Nam — Chính sách kinh tế — 1428-1787 — Sách tranh. I. Lê Phi Hùng m.h. II. Ts: Lịch sử Việt Nam bằng tranh.

959.7 — dc 22

L433-N17

LỜI GIỚI THIỆU

Sau khi đánh bại nhà Mạc, triều đình Lê – Trịnh bắt đầu quan tâm đến việc phát triển nông nghiệp ở Đàng Ngoài. Triều đình cũng ra sức khuyến nông, sửa chữa đê điều, nhưng vẫn quan tâm chưa đúng mức. Đất chật, dân đông, nên người dân phải tự ra sức khai hoang hoặc tận dụng tối đa đất đã có bằng các biện pháp thâm canh, xen canh,...

Thủ công nghiệp và thương nghiệp cũng có bước phát triển đáng kể. Bên cạnh các ngành nghề truyền thống sẵn có, thủ công nghiệp còn xuất hiện nhiều ngành nghề mới. Thương nghiệp phát triển cả về nội thương và ngoại thương. Do các chúa Trịnh thực thi chính sách mở cửa, nên ngoài các thuyền buôn đến từ phương Đông từ xưa, giờ đây đã có các thuyền buôn phương Tây cập bến ở Đàng Ngoài. Cả hai hoạt động này đều được triều đình quản lý khá chặt chẽ và quy củ.

Những nội dung trên được truyền tải trong tập 45 của bộ **Lịch sử Việt Nam bằng tranh “Kinh tế Đàng Ngoài thời Lê – Trịnh”** phần lời do Lê Văn Năm biên soạn, phần hình ảnh do Nguyễn Phi Hùng thể hiện.

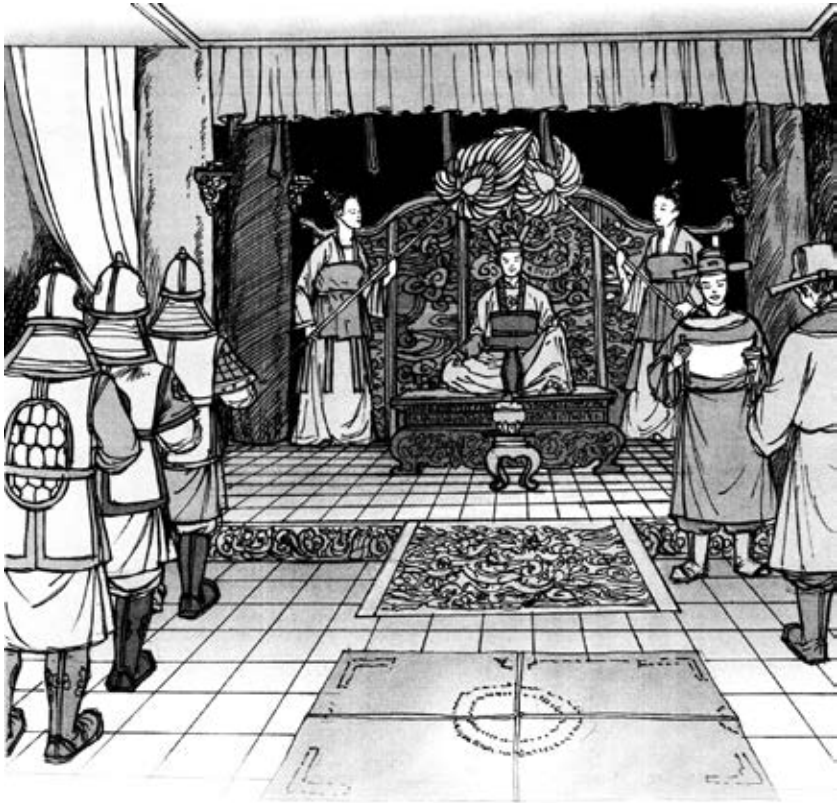
Nhà xuất bản Trẻ xin trân trọng giới thiệu tập 45 của bộ **Lịch sử Việt Nam bằng tranh**.

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Các giáo sĩ phương Tây đến Đàng Ngoài lúc bấy giờ đã rất ấn tượng với các hoạt động kinh tế nơi đây.

Như thương nhân William Dampier đến Đàng Ngoài thế kỷ 17 nhận xét: *“Vương quốc này có rất nhiều lúa gạo, nhất là ở những vùng đất trũng là nơi được tưới bón nhờ vào các con sông dâng lên tràn ngập vào đấy....”*.

Hay như Samuel Baron mô tả: *“Có những đường ở Kẻ Chợ rất rộng, đến mức 10-12 con ngựa có thể đi hàng ngang một cách dễ dàng. Thế nhưng mỗi tháng hai lần, vào ngày mồng một và mười lăm,... có lúc bị ngưng lại, thành thử mất nhiều giờ mà chỉ tiến được chút ít”*.

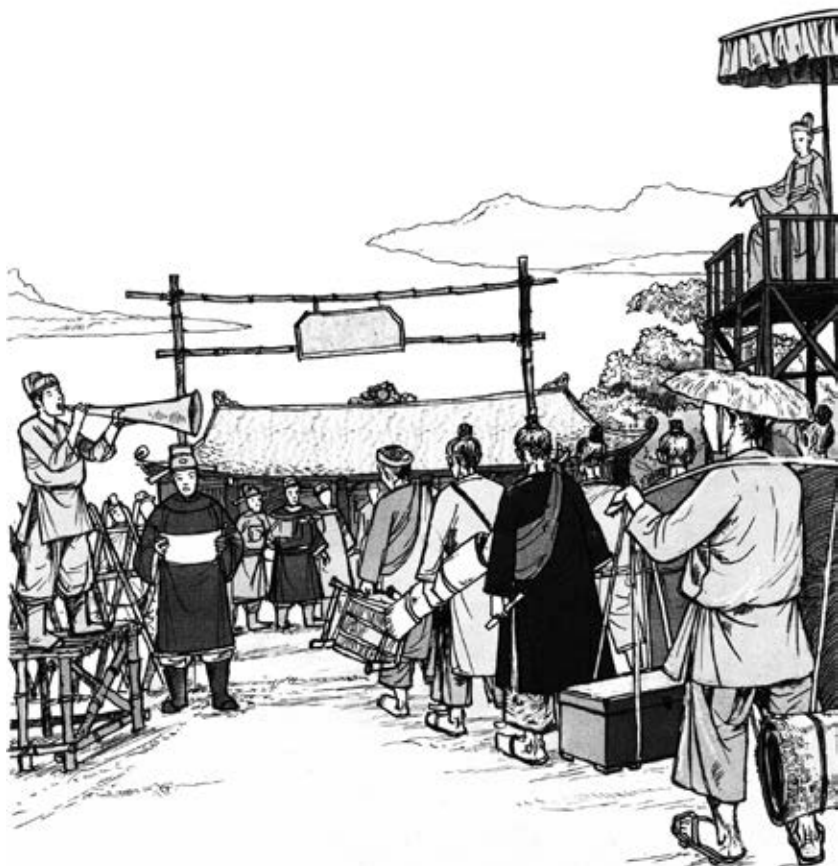


Năm 1657, Trịnh Tạc - con trai của Trịnh Tráng - lên ngôi chúa khi đã 52 tuổi. Những năm đầu, ngoài việc chuẩn bị lực lượng tiến đánh Đàng Trong, Trịnh Tạc còn ra sức củng cố bộ máy cai trị ở Đàng Ngoài. Lúc bấy giờ, triều đình tuy đã đặt ra lục bộ nhưng trên thực tế, công việc của các bộ còn chồng chéo lên nhau. Trịnh Tạc tiến hành bổ nhiệm lại các Thượng thư và quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ.

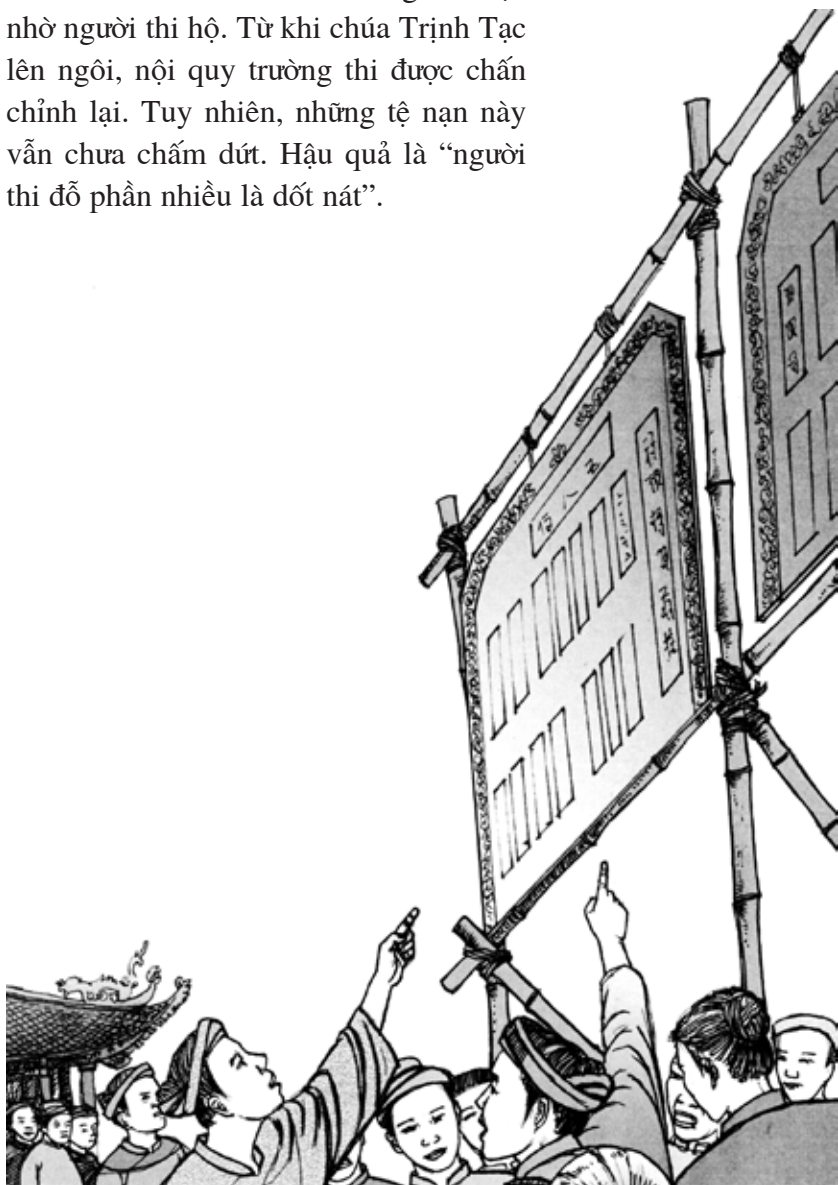


Do triều đình Lê - Trịnh luôn phải đối mặt với chiến tranh nên từ trung ương đến địa phương, quan võ được coi trọng hơn quan văn. Các võ quan cấp cao là người nắm quyền quyết định vận mệnh đất nước. Khi những cuộc chiến liên miên với xứ Đàng Trong đã giảm, Trịnh Tạc mới cho phép các quan văn dự bàn việc nước. Tuy nhiên, ở các trấn những chức vụ quan trọng vẫn do võ quan nắm giữ.

Việc học hành thi cử ở Đàng Ngoài đã sẵn có nề nếp từ thời Lê Sơ, nhưng vì đất nước có chiến tranh nên bị xem nhẹ. Chúa Trịnh Tạc chấn chỉnh lại việc học hành và qui định cứ ba năm mở một kỳ thi hội. Cách thức thi cũng được định rõ.

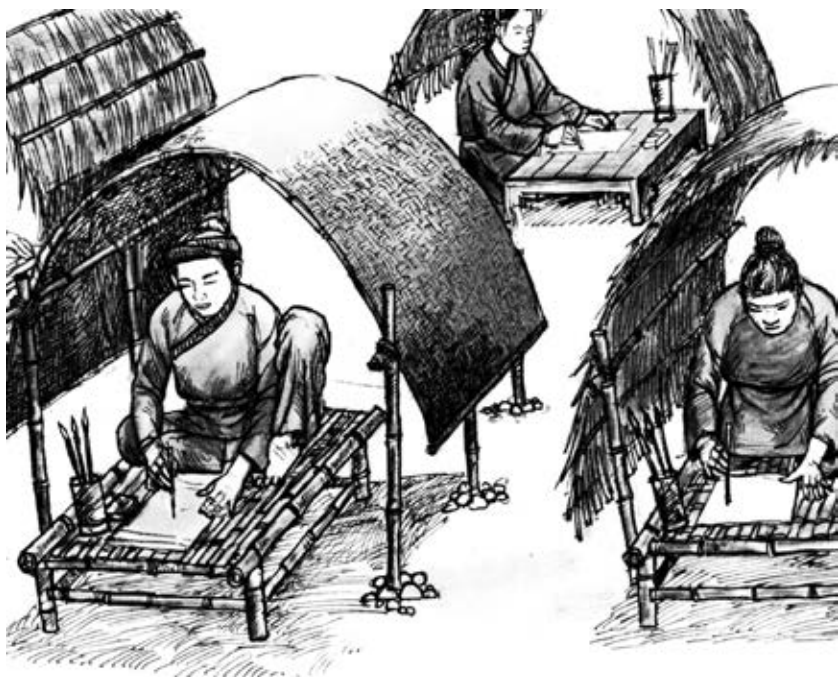


Trước đây, trong các kỳ thi Hương, thí sinh còn đem cả sách vào trường thi hoặc nhờ người thi hộ. Từ khi chúa Trịnh Tạc lên ngôi, nội quy trường thi được chấn chỉnh lại. Tuy nhiên, những tệ nạn này vẫn chưa chấm dứt. Hậu quả là “người thi đỗ phần nhiều là dốt nát”.



Năm 1664, chúa Trịnh Tạc buộc những người đã đỗ Sinh đồ (Tú tài) ba khóa trước phải ra thi lại. Người nào đỗ mới được công nhận là Sinh đồ. Ai không đỗ sẽ được miễn tạp dịch trong ba năm để học và thi lại. Nếu thi lại vẫn không đỗ thì phải trở lại làm dân thường. Kết quả, một nửa số Sinh đồ không vượt qua kỳ thi phúc khảo này.



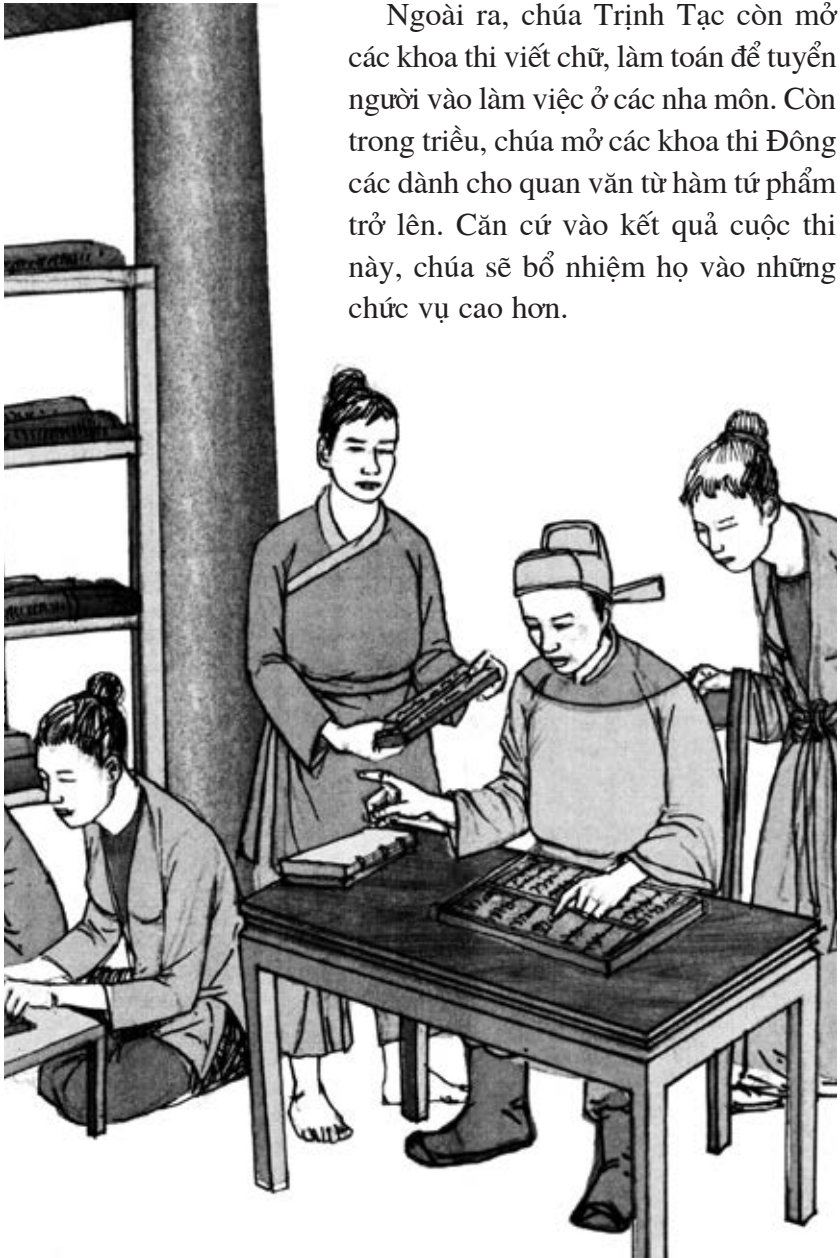


Tuy triều đình đã có những sửa đổi nhưng việc thi cử không vì thế mà bớt tiêu cực. Trong kỳ thi Hương năm Quý Sửu (1673), nhiều quan giám thị gian lận bị phát giác. Có người thì giúp thí sinh đem sách vào trường thi, có người cho thí sinh đánh tráo ống quyển. Giám khảo thì có người chấm bài hỏng thành bài đỗ, lại có người dùng ảnh hưởng của mình để gửi gắm thí sinh.

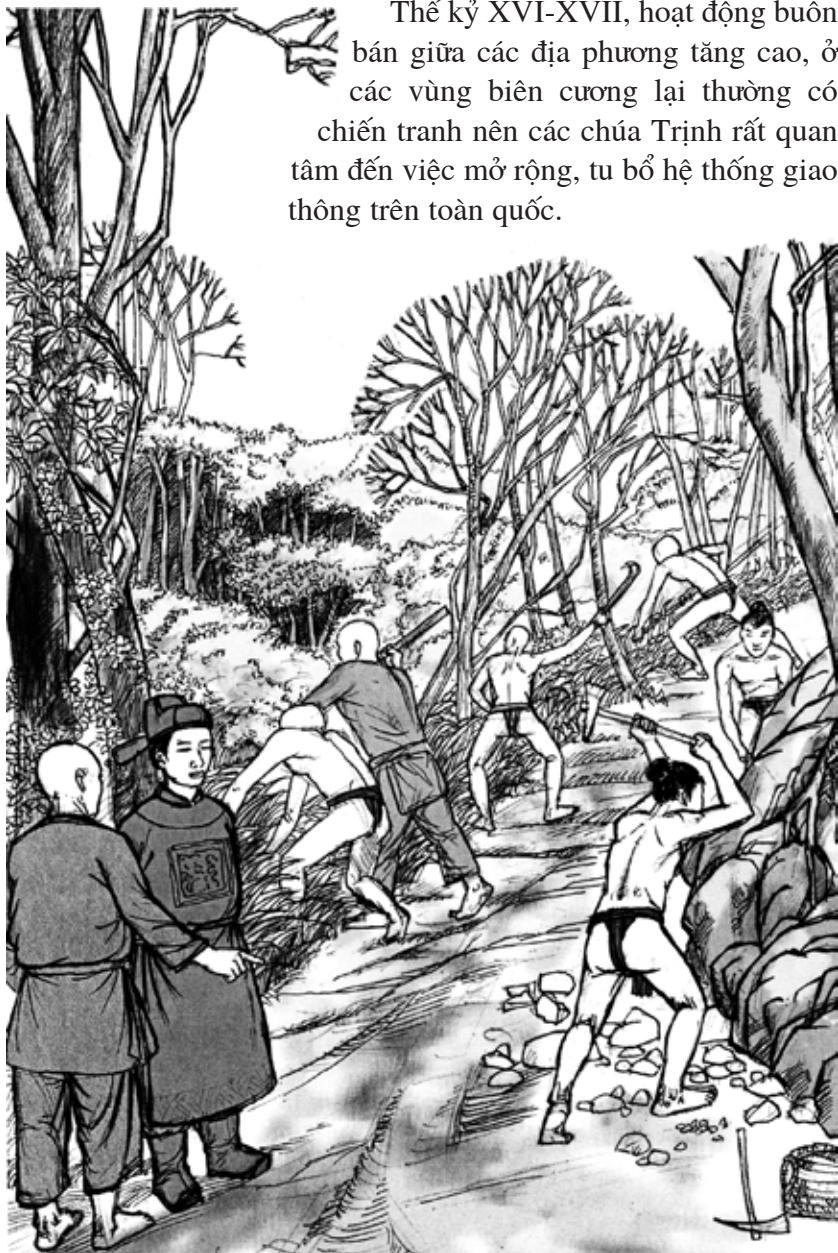


Trước tình hình đó, năm 1678, chúa Trịnh Tạc lại ban hành cách thức thi mới. Học trò trước hết phải vượt qua các kỳ thi cấp xã, huyện hay châu. Tùy xã, huyện hay châu lớn nhỏ mà thí sinh được chọn nhiều hay ít. Sau đó, họ phải vượt qua vòng thi cấp phủ rồi mới được dự thi hương.

Ngoài ra, chúa Trịnh Tạc còn mở các khoa thi viết chữ, làm toán để tuyển người vào làm việc ở các nha môn. Còn trong triều, chúa mở các khoa thi Đông các dành cho quan văn từ hàm tứ phẩm trở lên. Căn cứ vào kết quả cuộc thi này, chúa sẽ bổ nhiệm họ vào những chức vụ cao hơn.



Thế kỷ XVI-XVII, hoạt động buôn bán giữa các địa phương tăng cao, ở các vùng biên cương lại thường có chiến tranh nên các chúa Trịnh rất quan tâm đến việc mở rộng, tu bổ hệ thống giao thông trên toàn quốc.

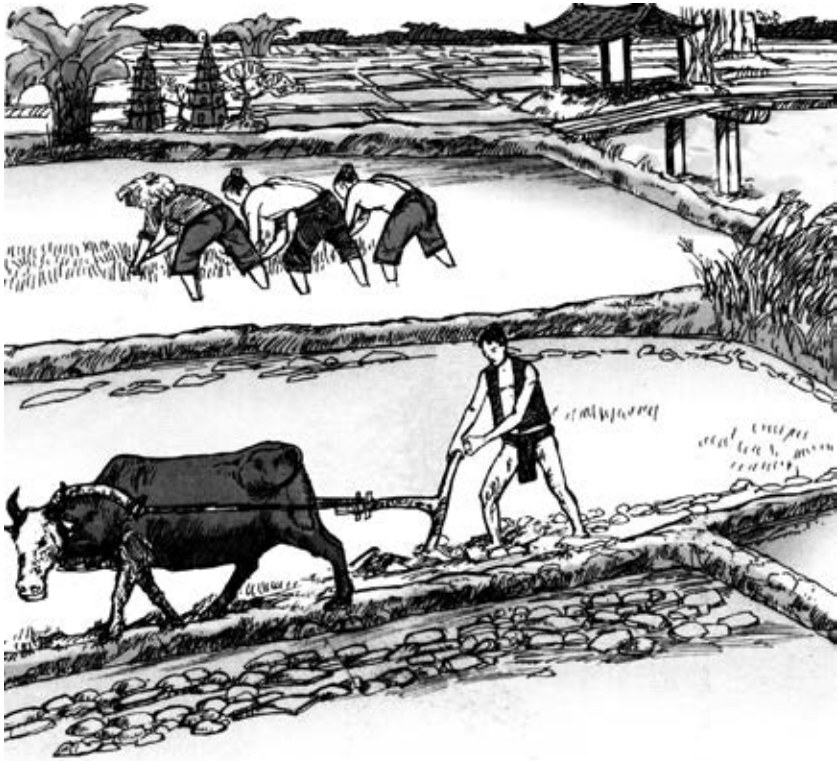




Sau khi cho sửa sang các con đường lớn nhỏ, chúa Trịnh Tạc ban hành quy định cấm người dân, quan lại lấn chiếm đường xá. Đường xá, cầu cống ở đâu hư hỏng thì địa phương đó phải có trách nhiệm sửa chữa. Nhờ đó, việc chuyển quân của triều đình cũng trở nên dễ dàng mà hoạt động buôn bán của người dân cũng được phát triển.

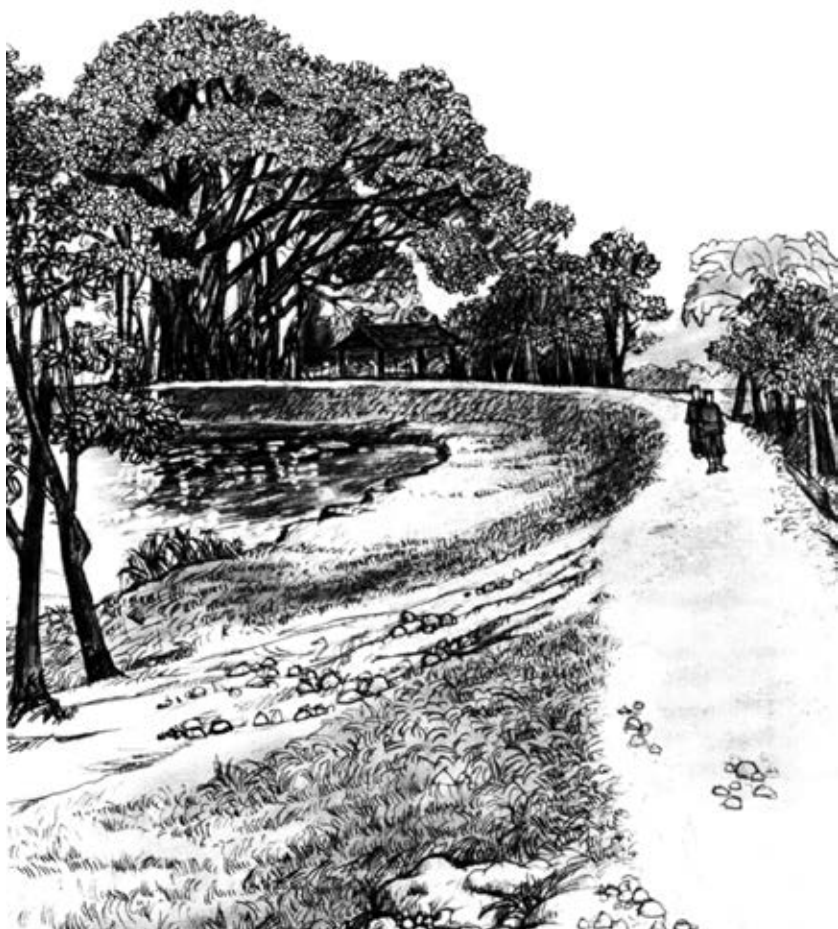
Tháng năm năm Giáp Thìn (1664), theo đề nghị của Lại bộ Thượng thư Phạm Công Trứ, chúa Trịnh Tạc cho sửa đổi hệ thống đo lường trong cả nước. Đối với các sản phẩm như thóc, muối, triều đình sử dụng hệ thống đo lường ngũ lượng, gồm: thước, cáp, thăng, đấu, hộc (thạch). Đơn vị sau lớn hơn đơn vị trước mười lần. Đối với những sản phẩm dạng hạt thì dùng đơn vị bát, 1 bát bằng 7 cáp. Đơn vị đo lường được thống nhất cũng khiến hoạt động buôn bán được thuận lợi hơn.



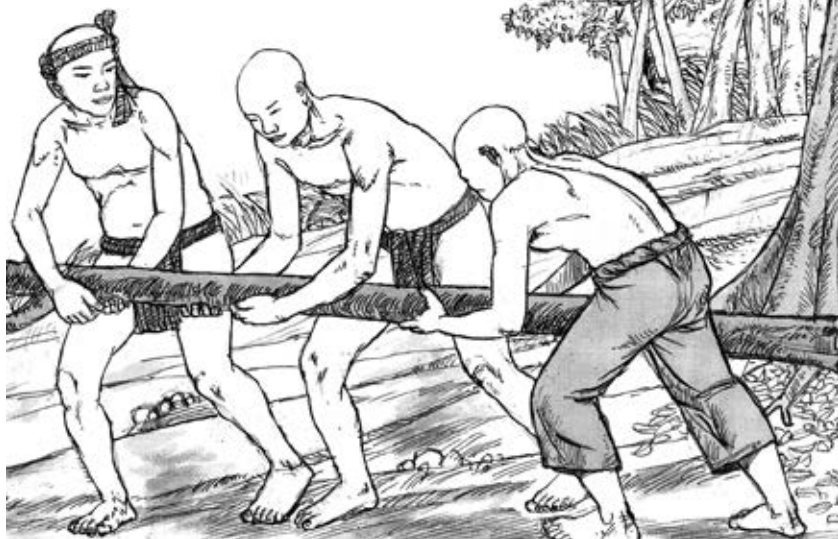


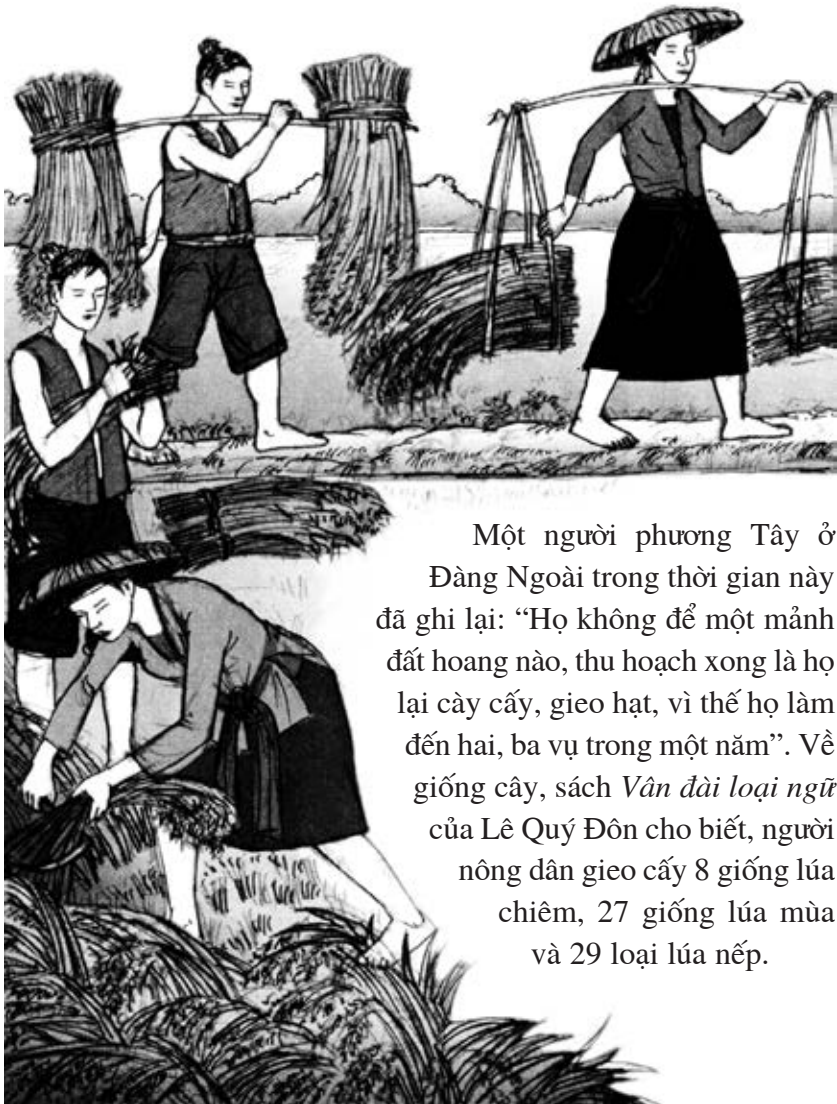
Do chiến tranh liên miên nên sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn. Trai tráng bị bắt đi lính khiến ở nhiều nơi đồng ruộng bị bỏ hoang. Triều đình phải đưa ra nhiều chính sách nhằm khuyến khích nông nghiệp như miễn giảm lao dịch, giảm nhẹ tô thuế.

Tuy khuyến khích nông nghiệp nhưng các chúa Trịnh lại không quan tâm đến việc khai hoang lập ấp. Đặc biệt, các chúa ít quan tâm đến thủy lợi - yếu tố quyết định đến các hoạt động sản xuất nông nghiệp. Trong suốt một thời gian dài, đê điều ở các nơi chỉ được tu sửa qua loa và không xây đắp thêm một công trình thủy lợi quy mô nào cả.



Dù không được triều đình quan tâm đúng mức nhưng người dân Đàng Ngoài vẫn cố gắng mở rộng sản xuất nông nghiệp vì đó là nguồn sống chính. Một mặt, họ tự tổ chức khai khẩn các vùng đất mới như vùng ven biển Sơn Nam (các tỉnh Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình ngày nay), vùng trung du (các tỉnh Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Bắc Ninh, Bắc Giang ngày nay). Mặt khác, họ cố gắng thâm canh trên chính mảnh đất của mình.





Một người phương Tây ở
Đàng Ngoài trong thời gian này
đã ghi lại: “Họ không để một mảnh
đất hoang nào, thu hoạch xong là họ
lại cày cấy, gieo hạt, vì thế họ làm
được hai, ba vụ trong một năm”. Về
giống cây, sách *Vân đài loại ngữ*
của Lê Quý Đôn cho biết, người
nông dân gieo cấy 8 giống lúa
chiêm, 27 giống lúa mùa
và 29 loại lúa nếp.

Không chỉ trồng lúa, thời gian này, Đàng Ngoài còn du nhập nhiều loại cây lương thực khác như đậu Hà Lan và ngô. Đậu Hà Lan được các thương gia Hà Lan mang tới Đàng Ngoài còn giống ngô thì do Trịnh Bùng Phùng Khắc Khoan đi sứ Trung Quốc mang về.

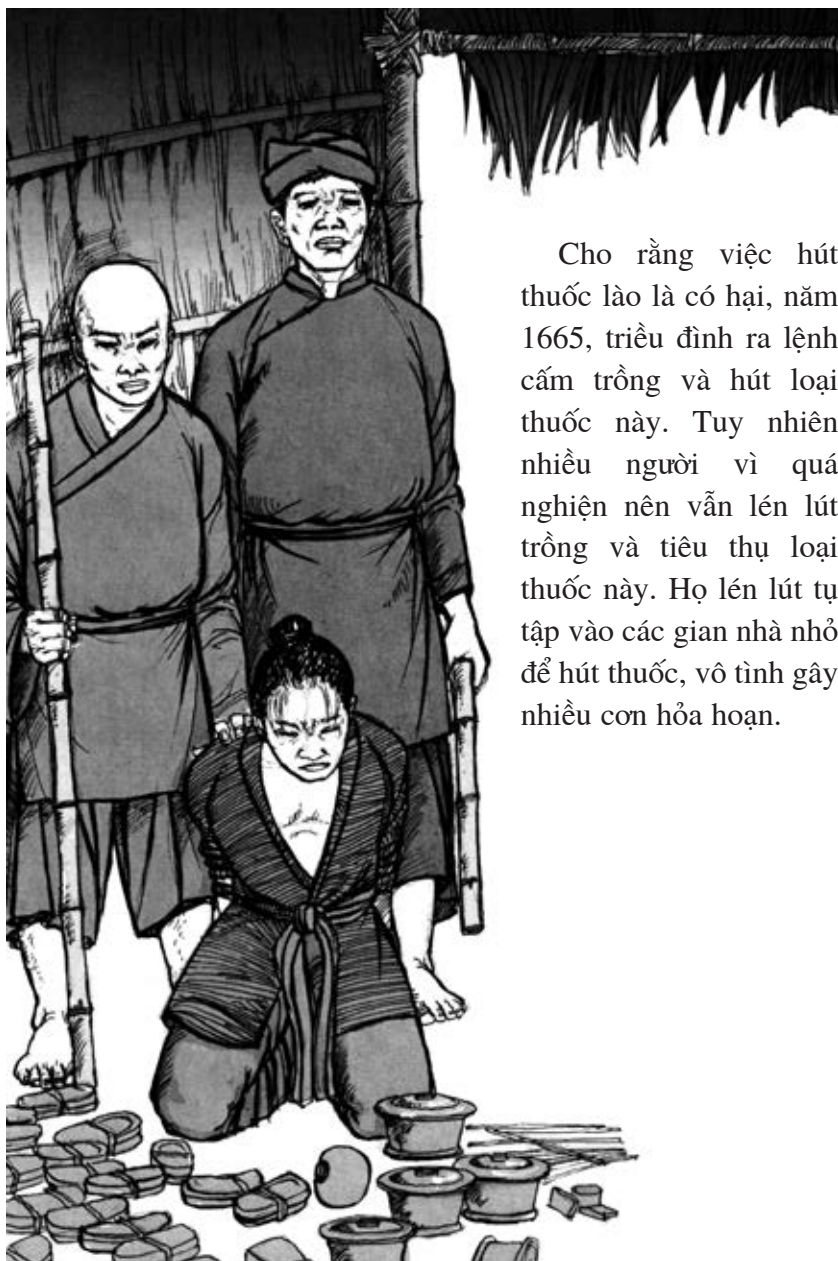


Các giống cây phục vụ sản xuất thủ công nghiệp cũng được chú ý khai thác. Hoạt động trồng dâu, nuôi tằm thời kỳ này rất sôi động nhằm cung cấp nguyên liệu cho ngành dệt lụa vốn rất phát triển ở Đàng Ngoài lúc bấy giờ.



Cây thuốc lá được du nhập từ Lào về nên có tên là thuốc Lào. Việc hút thuốc Lào nhanh chóng lan rộng trong cả nước. Từ quan đến dân, từ trẻ đến già nhiều người hút rồi nghiện loại thuốc này.





Cho rằng việc hút thuốc lào là có hại, năm 1665, triều đình ra lệnh cấm trồng và hút loại thuốc này. Tuy nhiên nhiều người vì quá nghiện nên vẫn lén lút trồng và tiêu thụ loại thuốc này. Họ lén lút tụ tập vào các gian nhà nhỏ để hút thuốc, vô tình gây nhiều con hỏa hoạn.



Họ còn nghĩ ra nhiều cách thức khác như chôn điếu, khoét cột nhà làm ống điếu để che mắt quan lại. Trong dân gian có câu:

*Nhớ ai như nhớ thuốc lào
Đã chôn điếu xuống còn đào điếu lên.*

Một thời gian sau, người dân không còn sợ lệnh cấm nữa và hút thuốc lào đã trở thành một thói quen phổ biến trong dân chúng.





Người nông dân xứ Đàng Ngoài còn trồng rất nhiều loại cây ăn quả và rau màu. Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan đã viết trong tác phẩm “*Lâm tuyền văn*” cách trồng hàng trăm loại rau quả khác nhau để phổ biến cho nông dân.

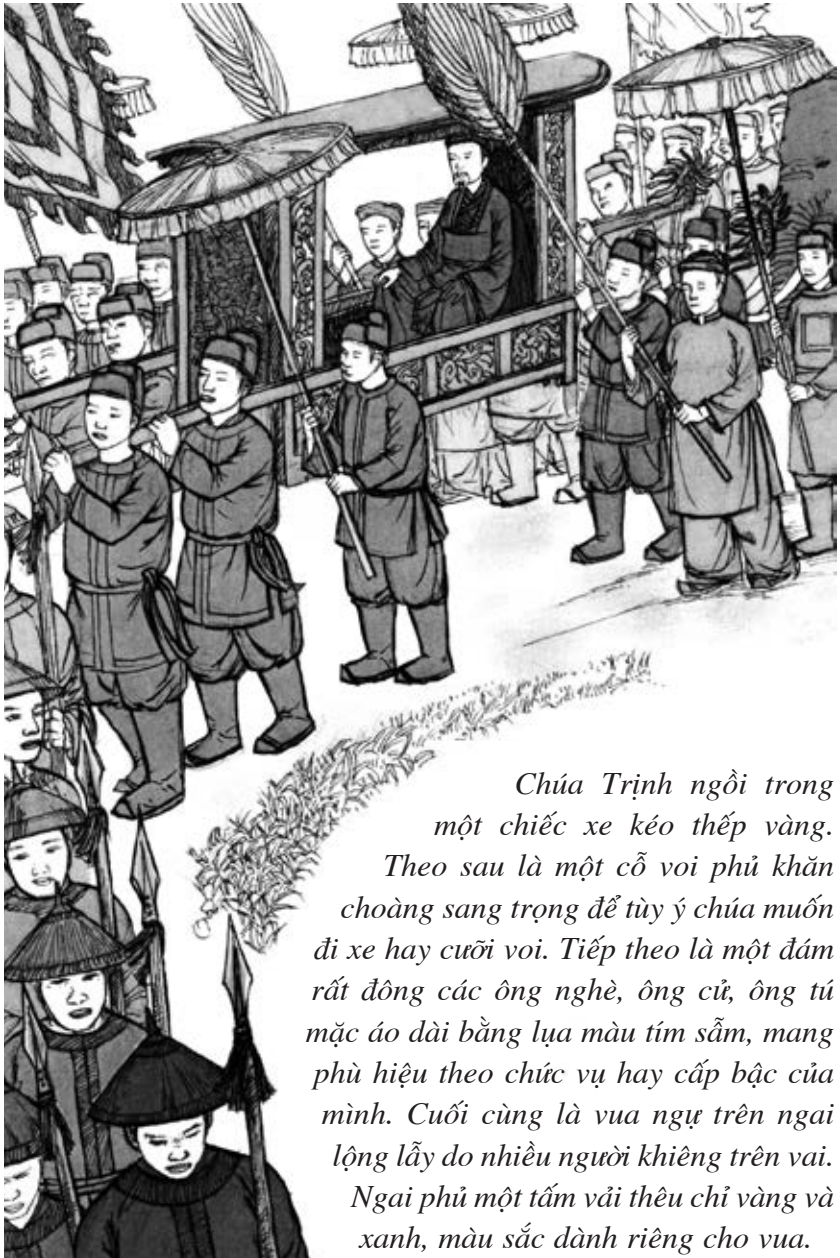
*Trồng dưa chó đẻ mùa qua
Ngăn phen mắt cáo kéo gà đập kê
Quanh vườn thả đậu sùng dê
Mướp trâu, dưa chuột bốn bề leo dong...*

Nhà bác học Lê Quý Đôn còn ghi lại những vùng đất có trái cây đặc biệt thơm ngon ở Đàng Ngoài: “Dưa hấu ở thành Cổ Lộng tại La Khê, cà ở xã Đại Lữ tại trại An Lăng, khoai ở bến Đông Dư, củ mài ở làng Cổ Pháp, trái vải ở làng An Nhon huyện Đường Hào, bưởi ở xã Đông Lao đều là thứ thượng hạng vì thích hợp với phong thổ ở đấy”.

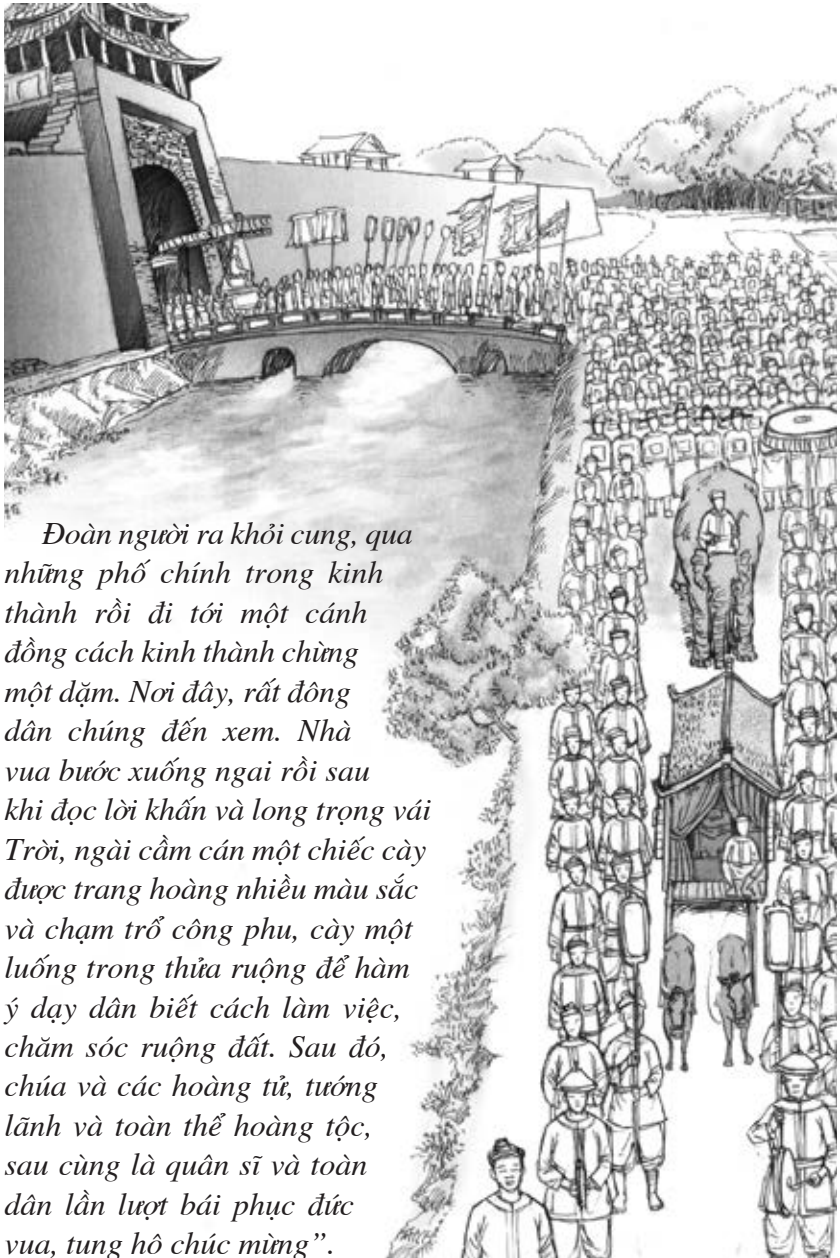


Nội gương các triều đại trước, hàng năm vua Lê vẫn cày ruộng Tịch Điền. Một người phương Tây sống ở Thăng Long thời gian này đã ghi lại: “Đầu năm, vào ngày mừng ba tuần trăng mới, các văn võ phải đến cung điện rước vua làm lễ Tịch Điền. Đám rước long trọng đi qua khắp kinh thành. Mở đầu là các binh sĩ, đông đến mấy ngàn người. Tất cả đều hàng ngũ chỉnh tề, kẻ đem cung tên, người mang gươm giáo và súng ống. Sau đó là các quan và hàng quý tộc, số đi ngựa, số cưỡi voi, tất cả chừng 300 con...”

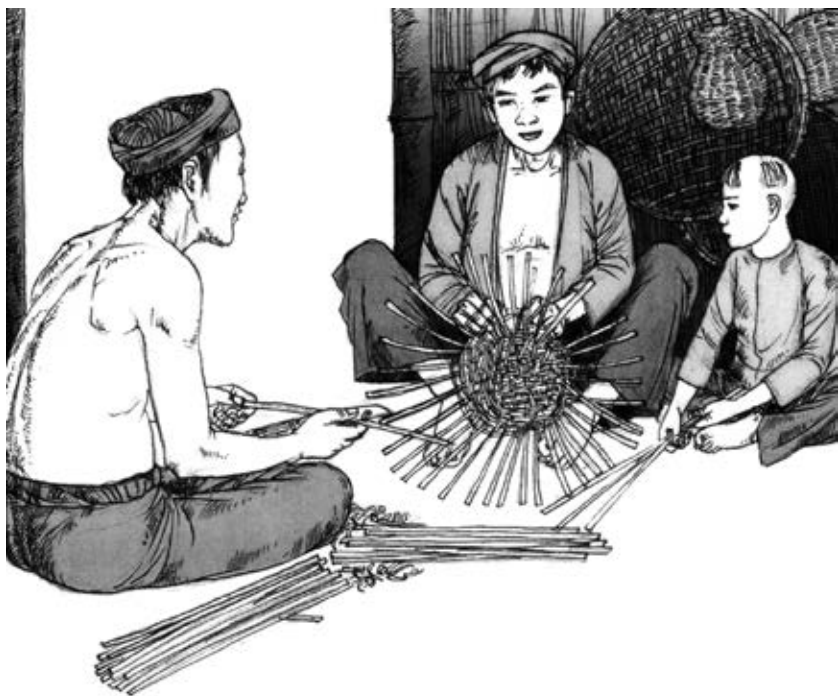




Chúa Trịnh ngồi trong
một chiếc xe kéo thép vàng.
Theo sau là một cỗ voi phủ khăn
choàng sang trọng để tùy ý chúa muốn
đi xe hay cưỡi voi. Tiếp theo là một đám
rất đông các ông nghè, ông cử, ông tú
mặc áo dài bằng lụa màu tím sẫm, mang
phủ hiệu theo chức vụ hay cấp bậc của
mình. Cuối cùng là vua ngự trên ngai
lộng lẫy do nhiều người khiêng trên vai.
Ngai phủ một tấm vải thêu chỉ vàng và
xanh, màu sắc dành riêng cho vua.



Đoàn người ra khỏi cung, qua những phố chính trong kinh thành rồi đi tới một cánh đồng cách kinh thành chừng một dặm. Nơi đây, rất đông dân chúng đến xem. Nhà vua bước xuống ngai rồi sau khi đọc lời khấn và long trọng vái Trời, ngài cầm cán một chiếc cày được trang hoàng nhiều màu sắc và chạm trổ công phu, cày một luống trong thửa ruộng để hàm ý dạy dân biết cách làm việc, chăm sóc ruộng đất. Sau đó, chúa và các hoàng tử, tướng lĩnh và toàn thể hoàng tộc, sau cùng là quân sĩ và toàn dân lần lượt bái phục đức vua, tung hô chúc mừng”.

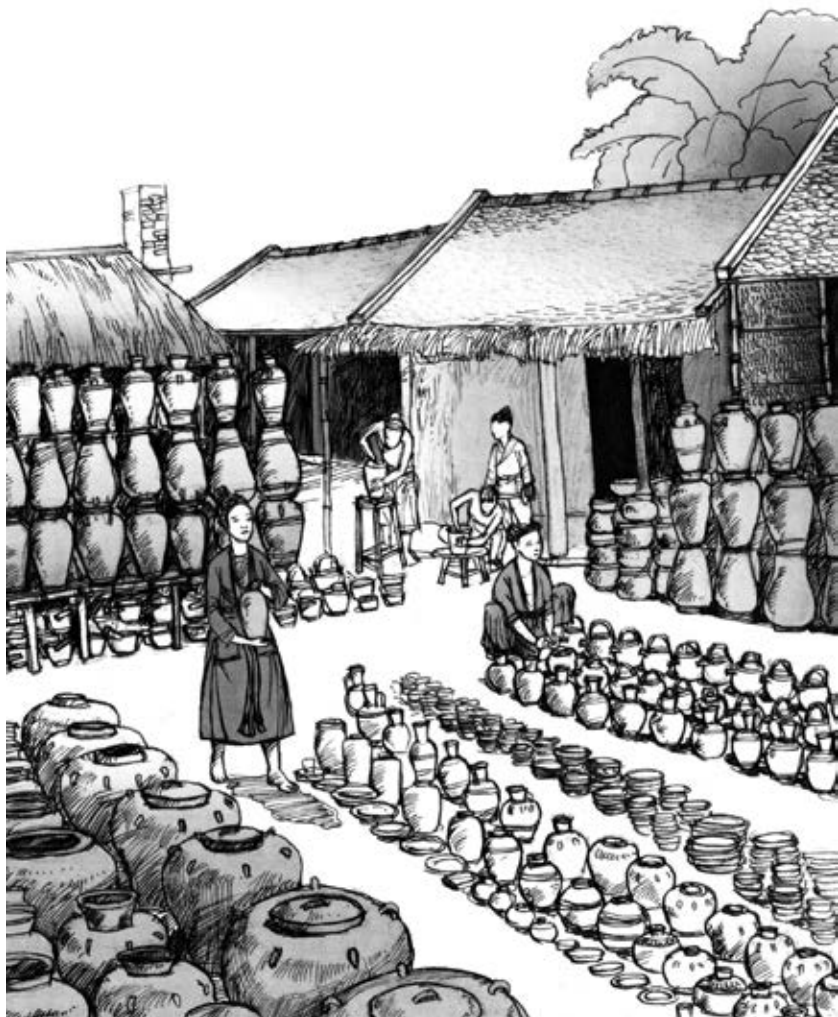


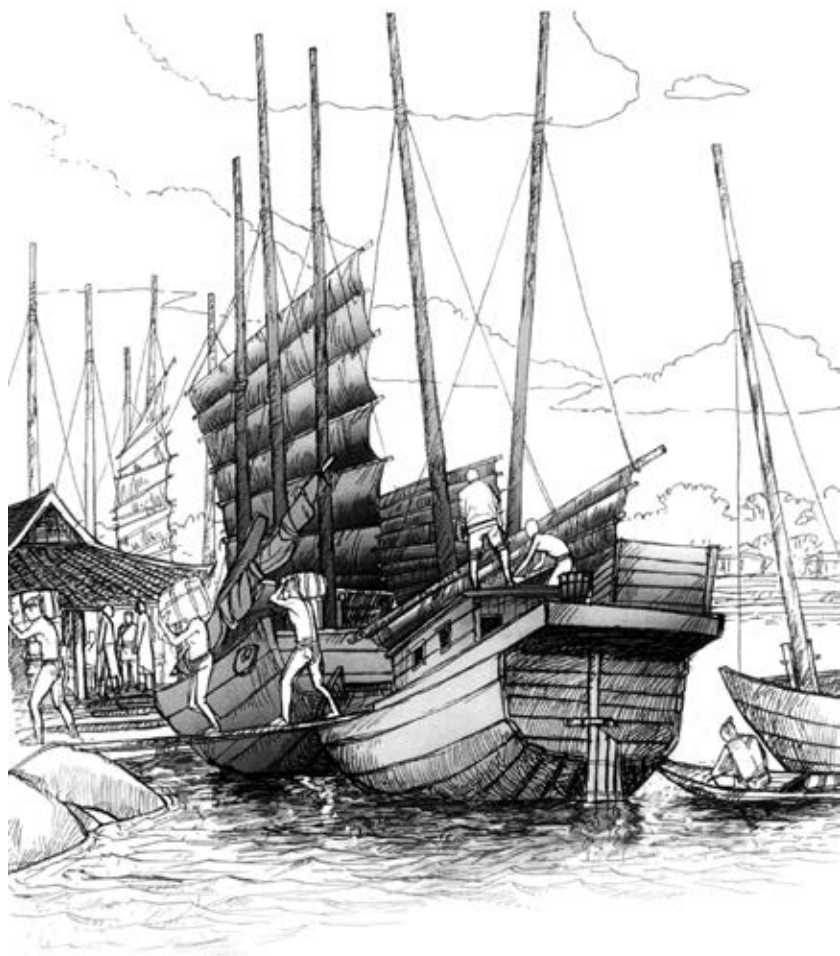
Trong tiết nông nhàn, các hộ gia đình nông dân Làng Ngoài thường làm thêm các nghề thủ công như dệt vải, đan đất, chế biến nông sản... Hoạt động này phổ biến ở khắp nơi và đóng vai trò quan trọng trong xã hội. Các sản phẩm được tạo ra nhằm phục vụ nhu cầu gia đình, khi dư thừa thì đem bán ở các chợ trong vùng.

Cũng có nhiều gia đình tách khỏi hoạt động sản xuất nông nghiệp để tập trung sản xuất các mặt hàng thủ công. Họ tập trung lại thành từng nhóm và cùng làm chung một loại sản phẩm. Dần dần, làng nghề thủ công được hình thành. Một số làng nghề tiêu biểu trong thời gian này là làng nhuộm Huê Cầu, làng gốm Bát Tràng, làng dệt Thanh Oai...



Một hai thế kỷ trước đó, các ngành nghề thủ công bước đầu đã có sự phát triển. Đến giai đoạn này, khi nhu cầu buôn bán, tiêu thụ lên cao thì các làng nghề càng phát triển nhanh chóng. Làng nghề phát triển mạnh nhất trong giai đoạn này là làng gốm Bát Tràng (xã Bát Tràng, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội).





Làng gốm Bát Tràng sản xuất ra các loại gạch, bát, đĩa và đồ sành sứ nói chung. Đây là các mặt hàng buôn bán quan trọng. Các lái buôn Hà Lan thường mua đồ gốm, bát đĩa ở Thăng Long đem đi bán khắp vùng Đông Nam Á. Năm 1670, thuyền buôn Hà Lan mua 214.160 sản phẩm bát đĩa đủ loại đem đi bán khắp nơi.

Thương gia Dampier - đến Thăng Long vào thời chúa Trịnh Căn - ghi lại trong hồi ký rằng có một tàu Tây phương đã mua gần 100.000 sản phẩm bát đĩa Bát Tràng rồi đem bán ở Sumatra (Indonesia ngày nay), được lời to. Một tàu buôn khác cũng mua khoảng 3-4 vạn sản phẩm gốm Bát Tràng đem về Madras (Ấn Độ ngày nay).





Thế kỷ XVII được coi là thế kỷ vàng son của nghệ thuật tạc tượng. Các nghệ nhân thời kỳ này đã tạo ra những tuyệt phẩm như pho tượng Quan Thế Âm Bồ Tát ở chùa Mễ Sở (xã Mễ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên), các pho tượng chùa Tam Sơn (xã Tam Sơn, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh), chùa Bút Tháp (xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh), tượng Kim Đồng, Ngọc Nữ ở chùa Dâu (xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh).



Tượng Quan Thế Âm bồ tát ở chùa Bút Tháp do nghệ nhân Trương Văn Thọ tạc vào năm 1656. Tượng cao 3,7m; rộng 2,1m và dày 1,15m bao gồm cả đế tượng. Quan Thế Âm đầu đội mũ hoa sen, phía trên là 8 đầu nhỏ xếp thành 3 tầng. Trên chóp là một tượng Quan Thế Âm nữa. Hai cánh tay Quan Thế Âm chấp trước ngực, có 40 cánh tay khác xòe ra. Các ngón tay biểu hiện các tư thế khác nhau khiến nhiều người tưởng bức tượng như đang múa. Các bàn tay nhỏ khác được sắp xếp như ánh hào quang tỏa xung quanh bức tượng.

Làng Linh Động (còn có tên là làng Bảo Hà, nay thuộc xã Đông Minh, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng) nổi tiếng với nghề tạc tượng. Nhiều nghệ nhân của làng được triều đình phong tước^(*) và cấp bổng lộc. Nghệ nhân Tô Phú Vương của làng được phong là Kỳ Tài hầu. Con ông là Tô Phú Doanh cũng được phong làm Kỳ Tài hầu. Cháu của ông là Tô Phú Luật được phong Điều Nghệ bá. Một nghệ nhân khác của làng là Hoàng Đình Úc cũng được phong tước nam.

** Các tước hiệu gồm có: vương - công - hầu - bá - tử - nam.*





Dân làng Linh Động còn truyền tai nhau câu chuyện về tài năng của một nghệ nhân trong làng. Nổi tiếng với đôi tay khéo léo, người nghệ nhân này được chọn vào cung làm ngai vàng cho vua. Khi sắp xong, vì thói quen nghề nghiệp, ông ngồi thử vào ngai xem có vừa vặn hay không. Việc đến tai vua, ông bị bắt và bị khép vào tội phạm thượng.

Trong ngục, ông nhặt những hạt thóc còn vương lại trên chổi rom rồi dùng móng tay mà chạm khắc thành những con voi đủ cả ngà, vòi, đủ cả voi mẹ, voi con. Những tác phẩm tí hon đó được dâng lên vua. Khâm phục tài năng của ông, vua tha chết và cho ông trở về làng.



Cũng nổi tiếng như làng Bát Tràng và làng Linh Động là các làng gổm Thổ Hà (xã Vân Hà, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang), làng gổm Hương Canh (xã Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc), làng gổm Vân Đình (quận Hà Đông, thành phố Hà Nội), làng khắc bản in Liễu Tràng (xã Tân Hưng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương), làng thuộc da Đào Lâm (xã Đoan Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương), làng thuộc da Trúc Lâm (huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương), làng rèn Lỗ Xá (xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên), làng rèn Cẩm Đường (xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên)...



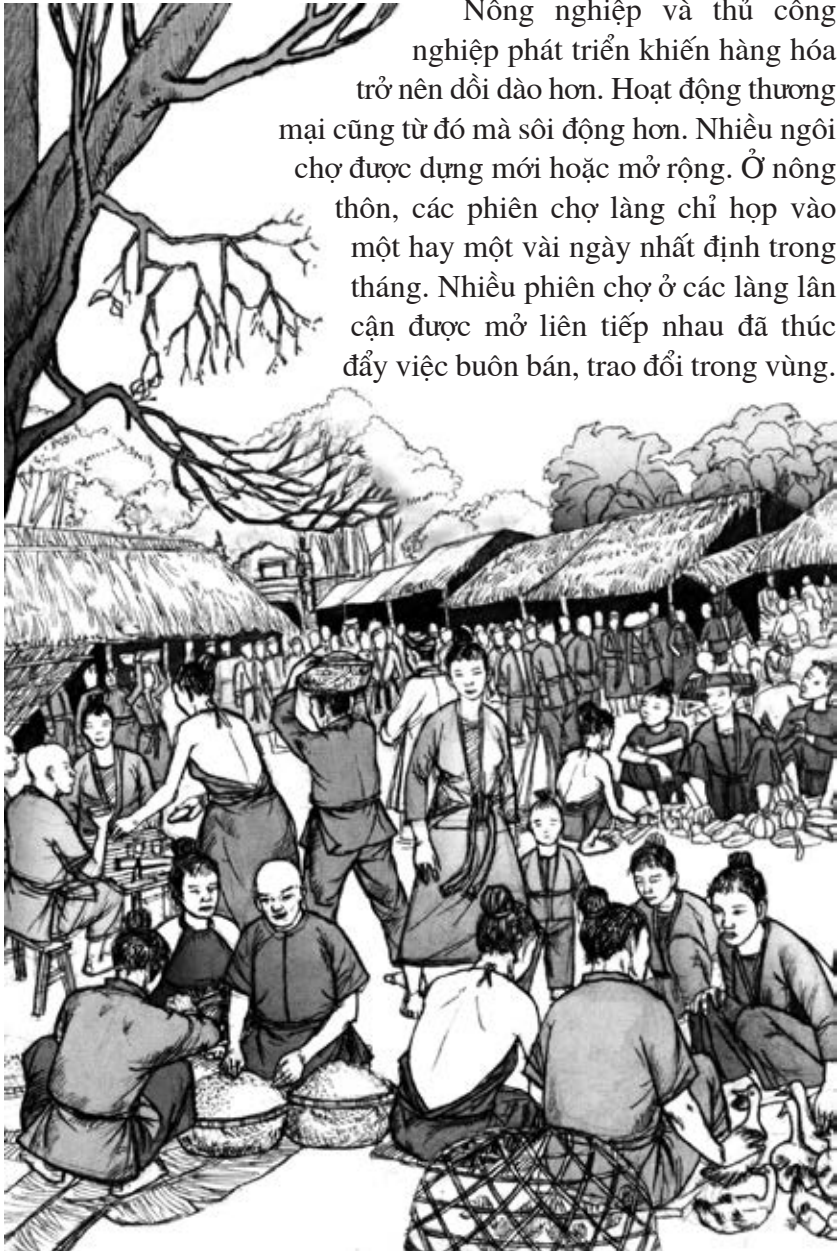
Nghề dệt, nhất là dệt tơ, phát triển cực thịnh ở Đàng Ngoài, cung cấp nhiều sản phẩm được các thương nhân Tây phương ưa chuộng. Làng La Cỏ, La Khê (xã Dương Nội, huyện Hoài Đức, Hà Nội) chuyên dệt sa, lĩnh; làng Cường Thôn (huyện Ba Vì, Hà Nội) chuyên sản xuất các loại vải tốt...

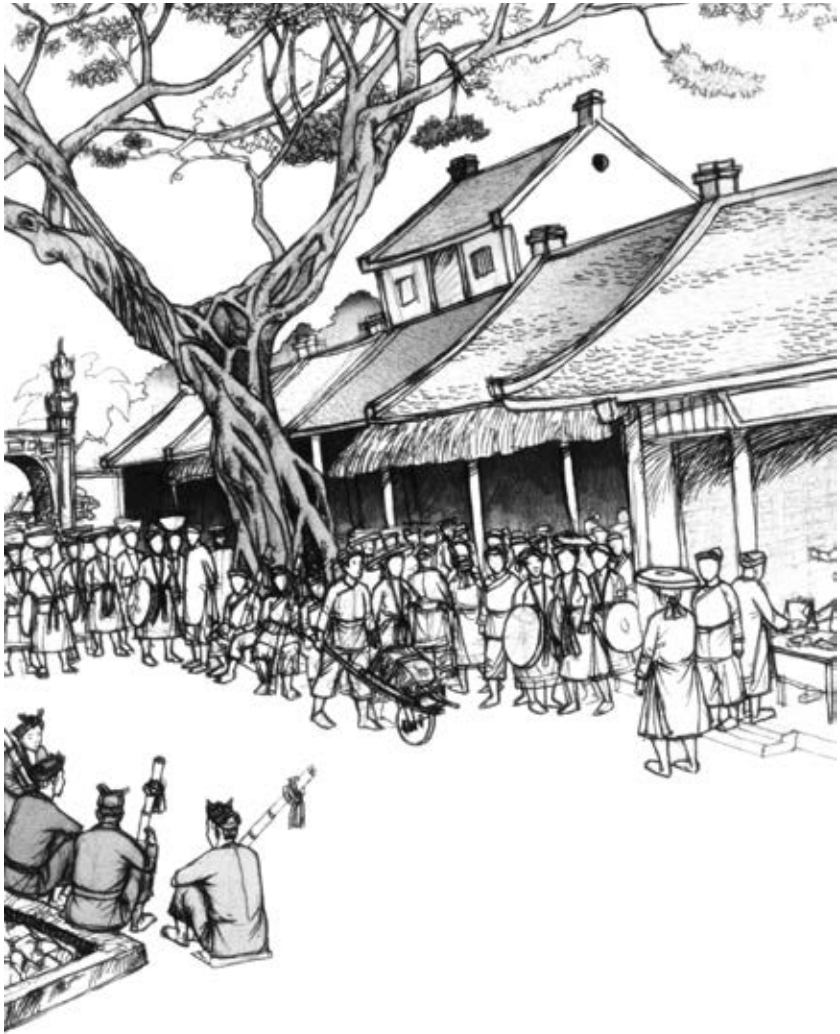


Tavernier - một người phương Tây khác đến Thăng Long vào thời chúa Trịnh Tạc - đã ghi lại trong du ký: *“Có rất nhiều loại tơ ở vương quốc Đàng Ngoài và mọi người ở đấy, giàu cũng như nghèo, đều dùng tơ lụa để may quần áo. Những người Hà Lan đến buôn bán, lòng sục mua tơ lụa khắp nơi, hàng năm đã chuyển đi một lượng hàng hóa khá lớn để kiếm tiền lời”*.



Nông nghiệp và thủ công nghiệp phát triển khiến hàng hóa trở nên dồi dào hơn. Hoạt động thương mại cũng từ đó mà sôi động hơn. Nhiều ngôi chợ được dựng mới hoặc mở rộng. Ở nông thôn, các phiên chợ làng chỉ họp vào một hay một vài ngày nhất định trong tháng. Nhiều phiên chợ ở các làng lân cận được mở liên tiếp nhau đã thúc đẩy việc buôn bán, trao đổi trong vùng.





Người nông dân và thợ thủ công là người trực tiếp bán sản phẩm của mình tại các phiên chợ, hoặc bán hàng cho con buôn. Có những làng chuyên nghề buôn bán như làng Đa Ngư (xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên) chuyên buôn bán thuốc bắc; làng Báo Đáp (xã Hồng Quang, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định) chuyên buôn bán vải...

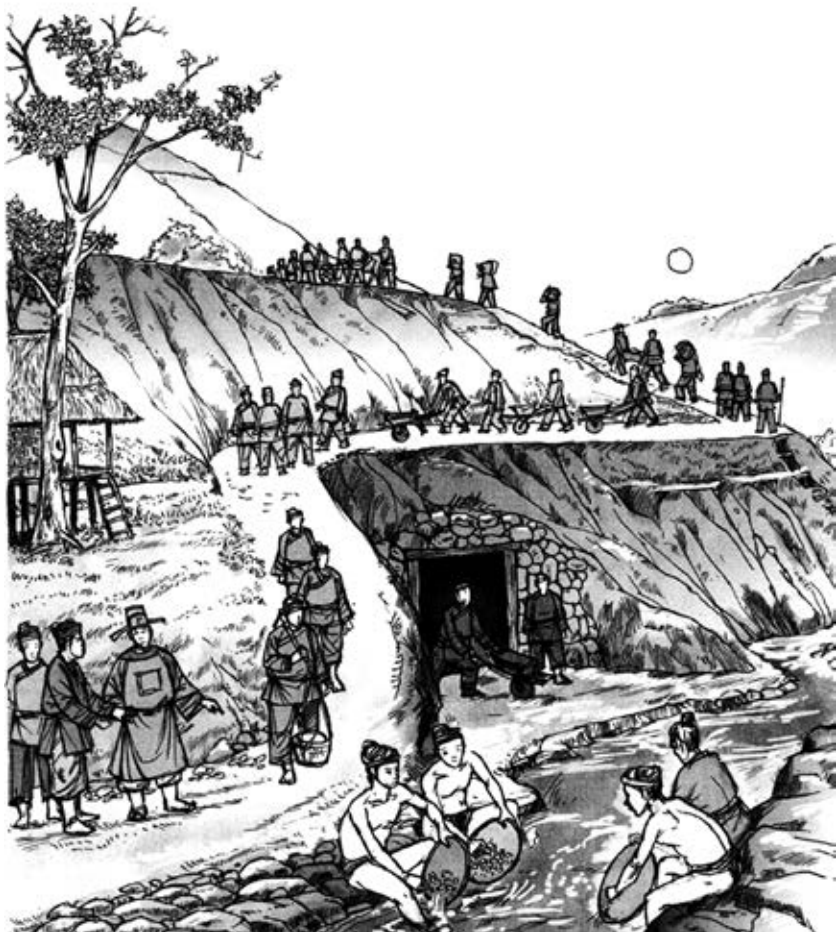


Làng Đồng Tĩnh (xã Đồng Tĩnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc) và Huê Cầu (xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên) nổi tiếng là những làng nghề buôn bán. Có câu ca rằng: “*Ai về Đồng Tĩnh, Huê Cầu/ Đồng Tĩnh bán thuốc, Huê Cầu nhuộm thâm*”. Đàn ông làng Đồng Tĩnh thường kéo nhau đến vùng Tiên Lãng (Hải Phòng) mua thuốc Lào về cho vợ con đem ra chợ bán. Còn người dân làng Huê Cầu thì nhuộm vải rất khéo và đem sản phẩm của mình bán ở nhiều nơi.

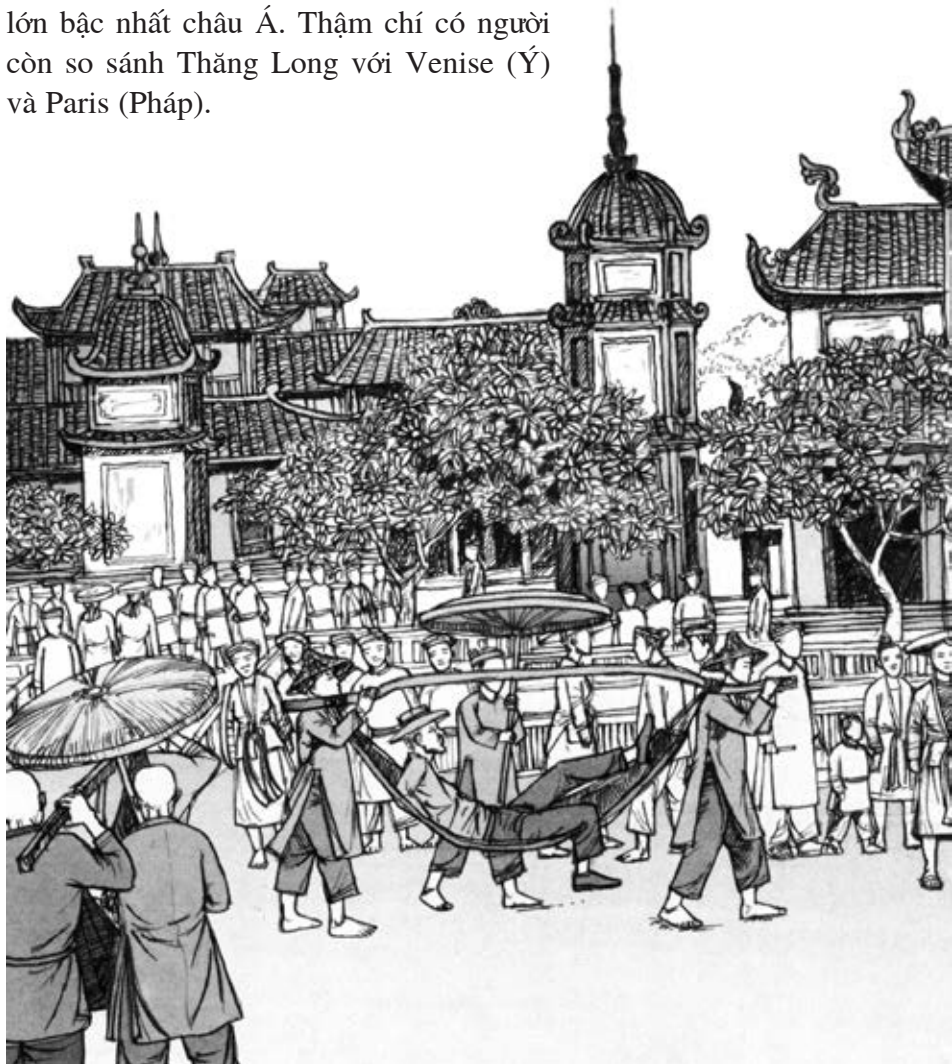


Cũng có nhiều ngôi chợ chuyên bán một loại mặt hàng mà trở nên nổi danh. Như chợ Vân Chàng (thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định) chuyên bán gạo và sắt; chợ Xuân Cầu (xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên) bán chỉ, vải; chợ Thổ Hà (xã Vân Hà, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang) và chợ Phù Lãng (xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh) chuyên bán đồ gốm; chợ Đại Bái (xã Đại Bái, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh) chuyên bán đồ đồng; chợ Phù Xá (xã Đông Hải, huyện Hải An, thành phố Hải Phòng) chuyên bán súc vật...

Giao thương giữa đồng bằng và miền núi thời kỳ này cũng rất phát triển. Từ đồng bằng, các loại hàng hóa như gạo, muối, các sản phẩm thủ công được chở lên bán cho vùng thượng du. Còn các sản phẩm của vùng thượng du như trâu bò, gỗ, quặng kim loại mà nhiều nhất là đồng được chở về miền xuôi. Đồng đỏ ở mỏ Tụ Long là có giá trị nhất, được sử dụng vào việc đúc tiền và một số vật phẩm có giá trị.

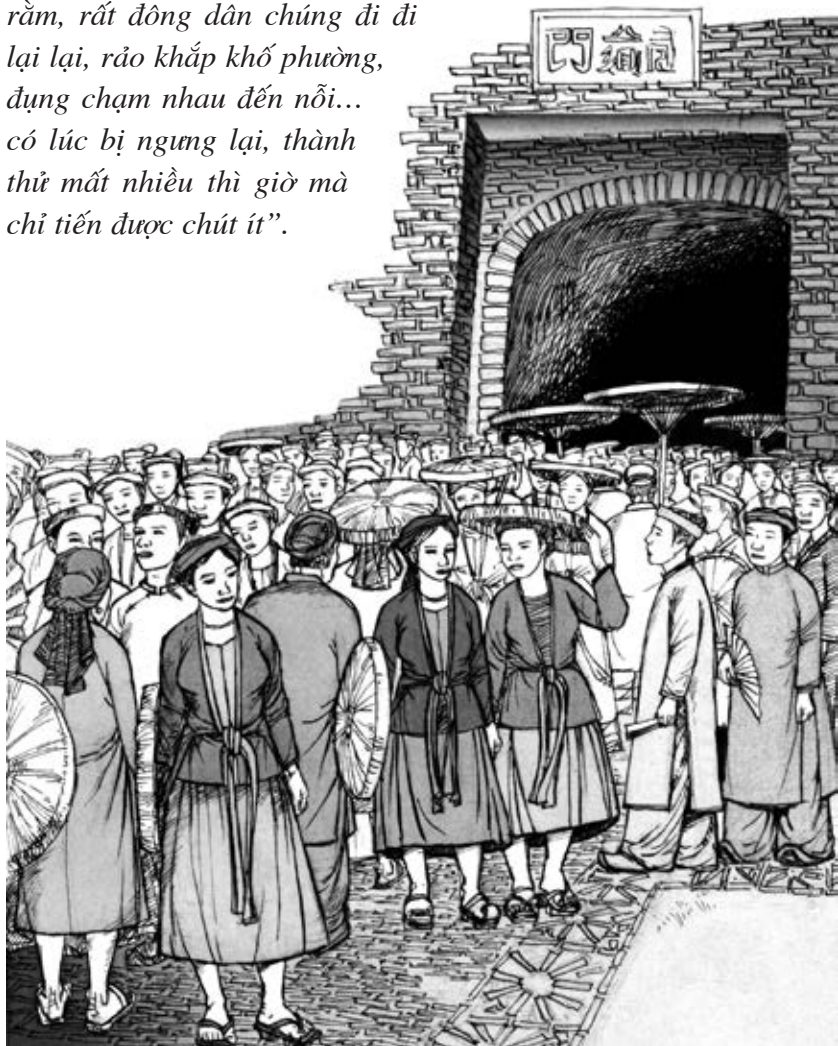


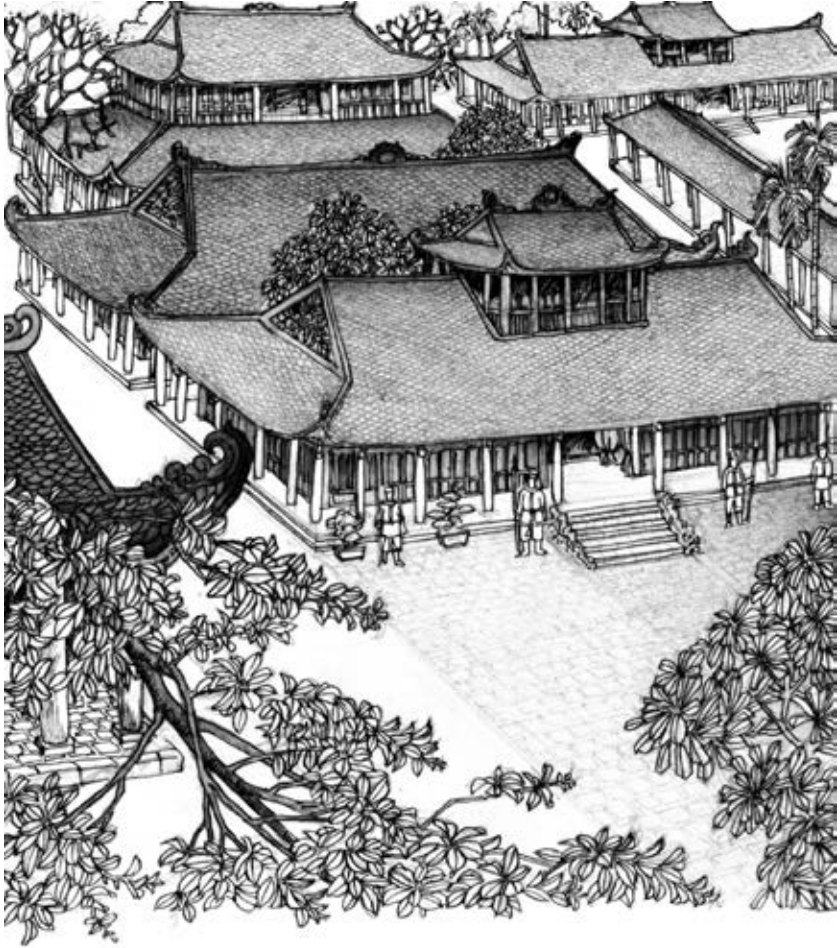
Thăng Long không chỉ là trung tâm quyền lực mà còn là trung tâm thương mại lớn nhất nước. Vì vậy, lúc này, Thăng Long còn có tên gọi khác là Kẻ Chợ. Nhiều thương gia, giáo sĩ phương Tây đến Thăng Long giai đoạn này như Alexandre de Rhodes, Tavernier, Baron, Richard... đều có chung nhận xét đây là đô thị lớn bậc nhất châu Á. Thậm chí có người còn so sánh Thăng Long với Venise (Ý) và Paris (Pháp).





Họ viết: “Các phố chính của kinh thành đều khá rộng rãi, tuy có một số phố chật hẹp”, “Có ba đường phố dài đến ba dặm”, “Có những đường phố ở Kẻ Chợ rất rộng, đến mức 10-12 con ngựa có thể đi hàng ngang một cách dễ dàng. Thế nhưng mỗi tháng hai lần, vào ngày mồng một và ngày rằm, rất đông dân chúng đi đi lại lại, rảo khắp phố phường, đụng chạm nhau đến nỗi... có lúc bị ngưng lại, thành thử mất nhiều thì giờ mà chỉ tiến được chút ít”.





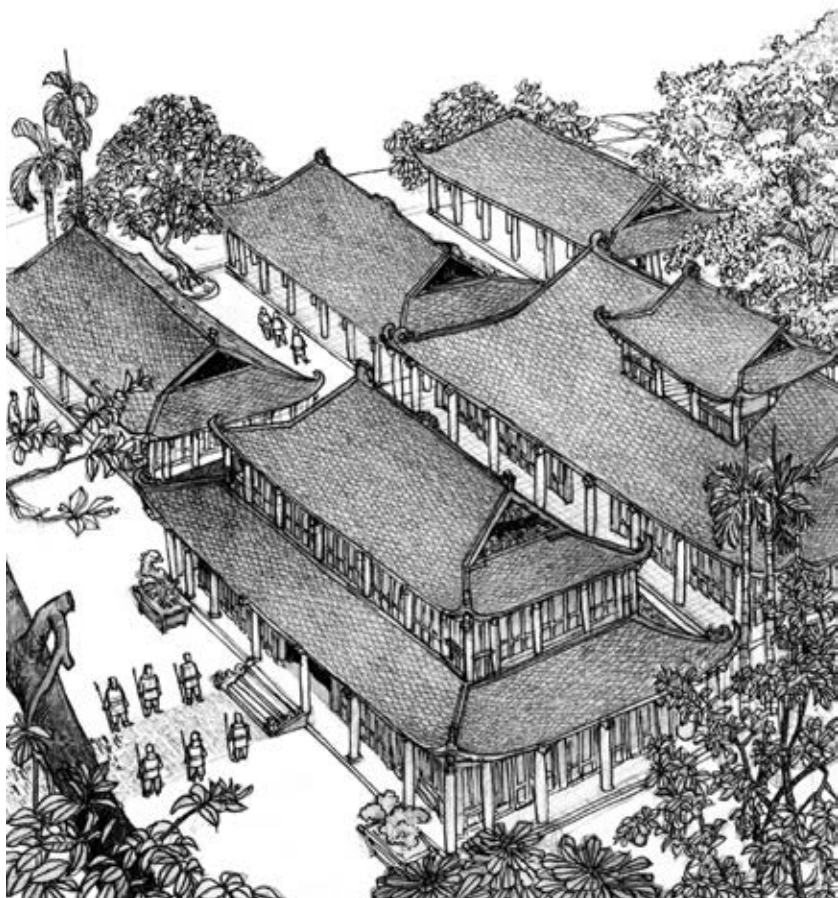
Trung tâm của thành Thăng Long là Hoàng thành - nơi có cung điện của vua Lê và một số dinh thự của quan lại. Người phương Tây ghi lại rằng bao quanh Hoàng thành là bức tường lớn, được xây bằng gạch, cao khoảng 4,6m - 4,8m. Các cửa ra vào hình vòm, xây bằng đá và gạch rất vững chắc, ở hai bên cửa chính có hai cửa nhỏ.

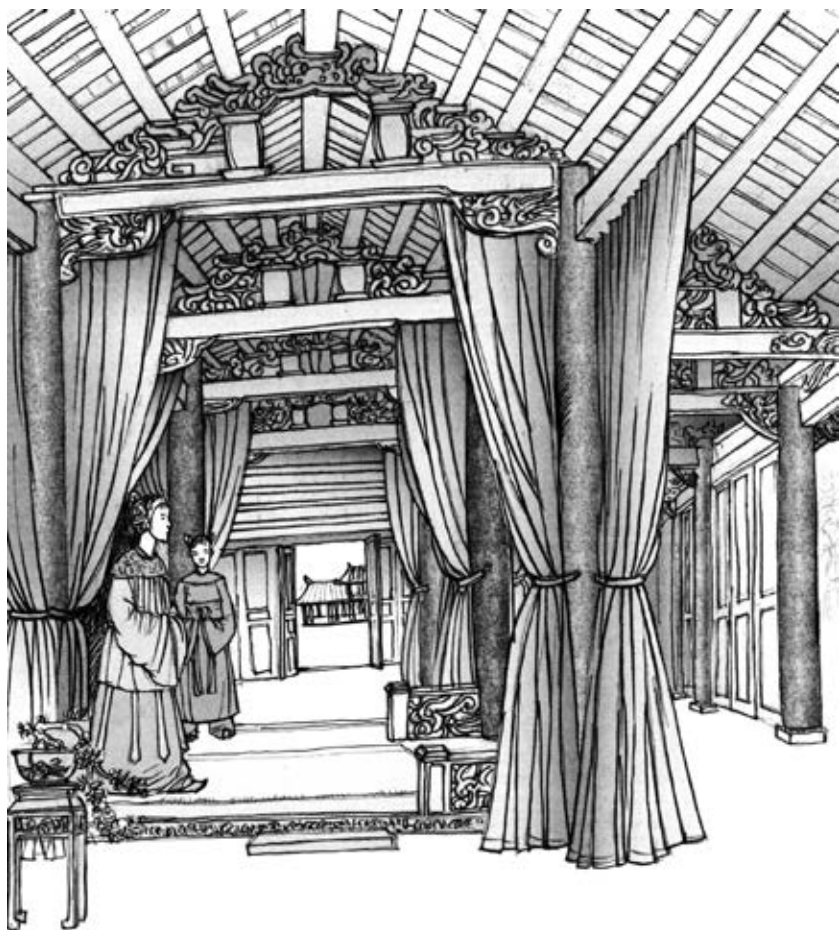


Giáo sĩ người Ý tên là Marini - đến Thăng Long vào năm 1666 - cho biết: *“Trong Hoàng thành, chúng ta không chỉ trông thấy một cung điện mà là cả một thành phố rất đẹp và rộng... Trong thành có nhiều lính gác, võ quan, sai nha, vườn tược, voi ngựa và nhiều trang thiết bị chiến đấu khác. Tất cả đều làm cho người ta ngạc nhiên và vượt quá những gì người ta có thể tưởng tượng...”*



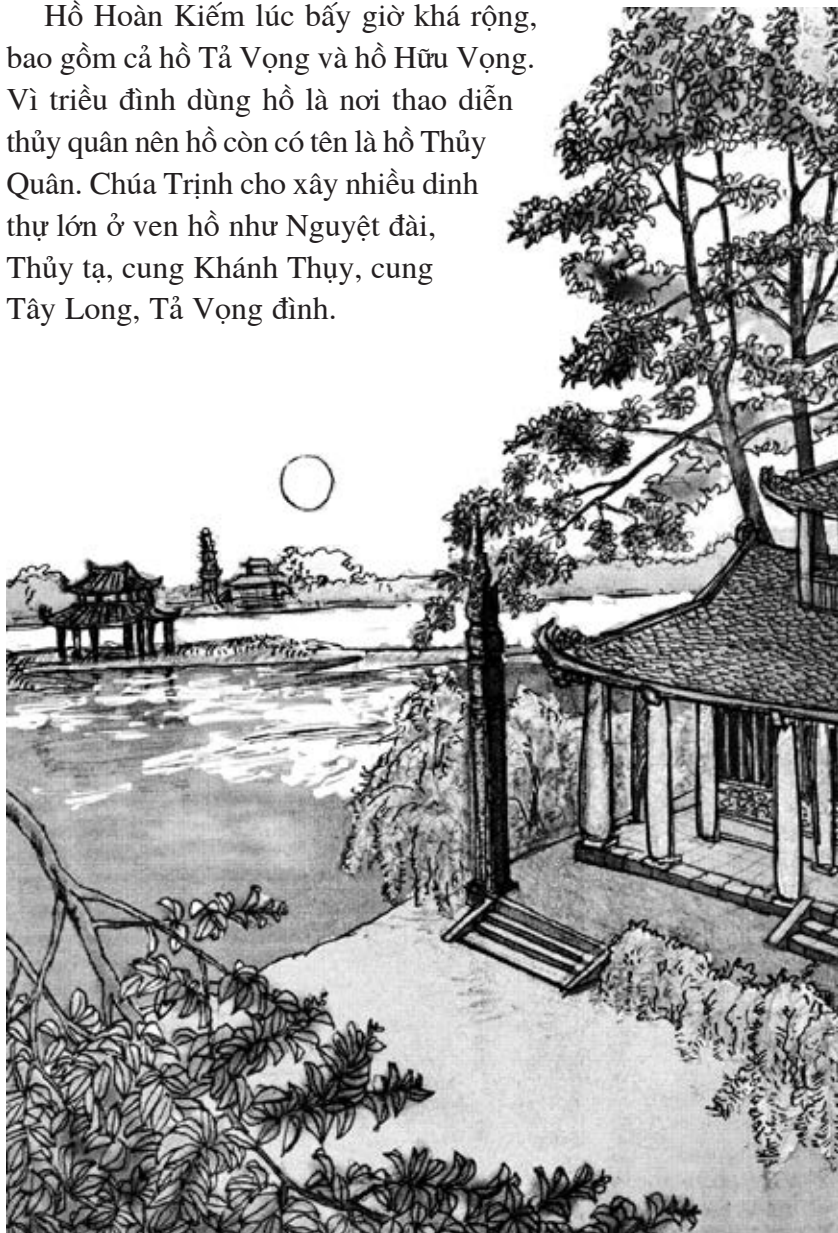
“Cung điện nhà vua làm bằng gỗ với một rừng cột to và chắc chắn. Những rui kèo ở đây đẹp hơn tất cả mọi kiến trúc khác. Các phòng thật rộng rãi, các hành lang có mái che với những sân lớn rộng bao la... Người ta trông thấy ở đây những đồ trang trí bằng vàng và những đồ thêu, những tấm chiếu dệt rất mịn, trang trí các màu sắc khác nhau và nhiều tấm thảm đẹp.”

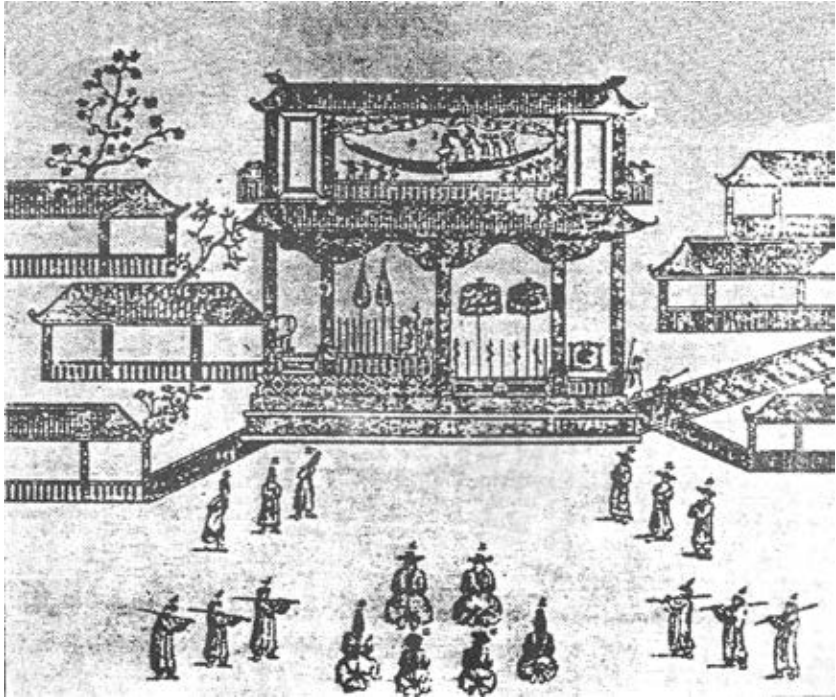




Tuy nhiên, tráng lệ nhất kinh đô lại là phủ chúa. Phủ chúa gồm 52 cung điện lớn nhỏ nằm ở phía tây nam hồ Hoàn Kiếm. Một thương gia Tây phương đã ghi: “*Phủ chúa nằm giữa trung tâm thành phố Kẻ Chợ. Phủ rất rộng rãi và có tường bao xung quanh. Bên trong và bên ngoài đều có nhà cho quân lính ở...*”

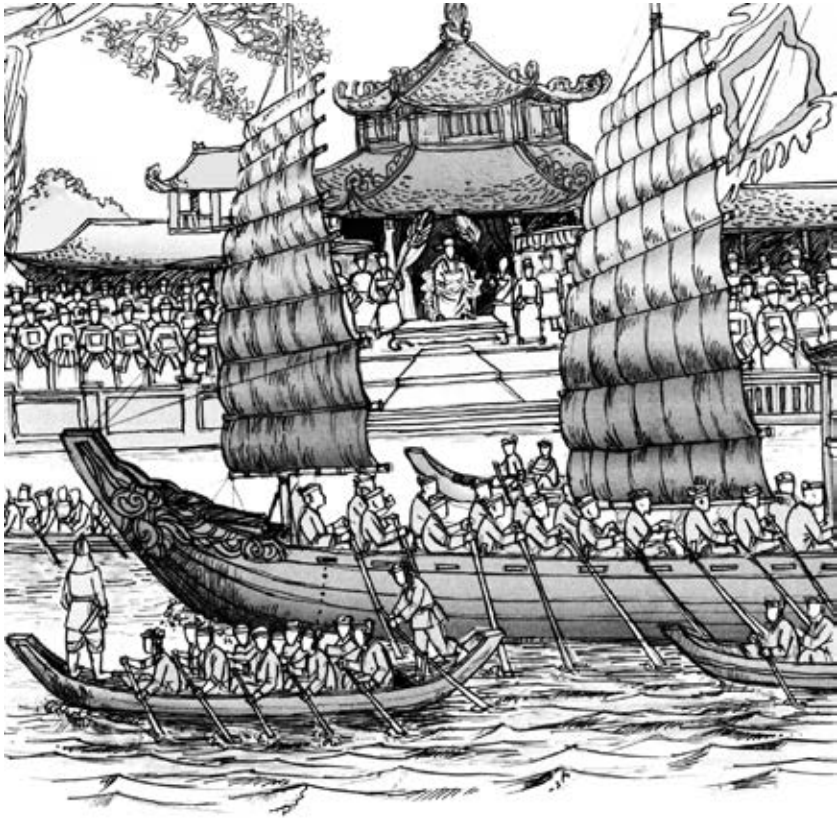
Hồ Hoàn Kiếm lúc bấy giờ khá rộng, bao gồm cả hồ Tả Vọng và hồ Hữu Vọng. Vì triều đình dùng hồ là nơi thao diễn thủy quân nên hồ còn có tên là hồ Thủy Quân. Chúa Trịnh cho xây nhiều dinh thự lớn ở ven hồ như Nguyệt đài, Thủy tạ, cung Khánh Thụy, cung Tây Long, Tả Vọng đình.





* Chú thích: Ảnh trích từ sách “Việt Nam trong quá khứ qua 700 hình ảnh” - xuất bản năm 1997 - NXB Lao Động.

“Những dinh thự bên trong được xây cao hai tầng, có nhiều cửa thoáng dăng. Các cửa đều đồ sộ, nguy nga, tất cả đều bằng gỗ lim như hầu hết các cung điện khác. Các tư thất và các cung dành cho phụ nữ đều lộng lẫy, xa hoa, được chạm trổ, sơn son thếp vàng. Trong phủ còn có nhiều vườn cảnh, bụi cây, lối đi, những chòi tháp nhỏ, ao cá và tất cả những gì giúp chúa giải trí, vui chơi, dù họa hoàn lắm, chúa mới ra đến nơi đó”.



Gần cung Tây Long là lầu Ngũ Long. Đây là tòa cung điện lộng lẫy, xa hoa. Trên nóc điện có năm con rồng được đắp nổi, dát mảnh sứ và đá cẩm thạch ở bên ngoài. Chúa Trịnh nhiều lần ngự trên lầu này để duyệt thủy quân.



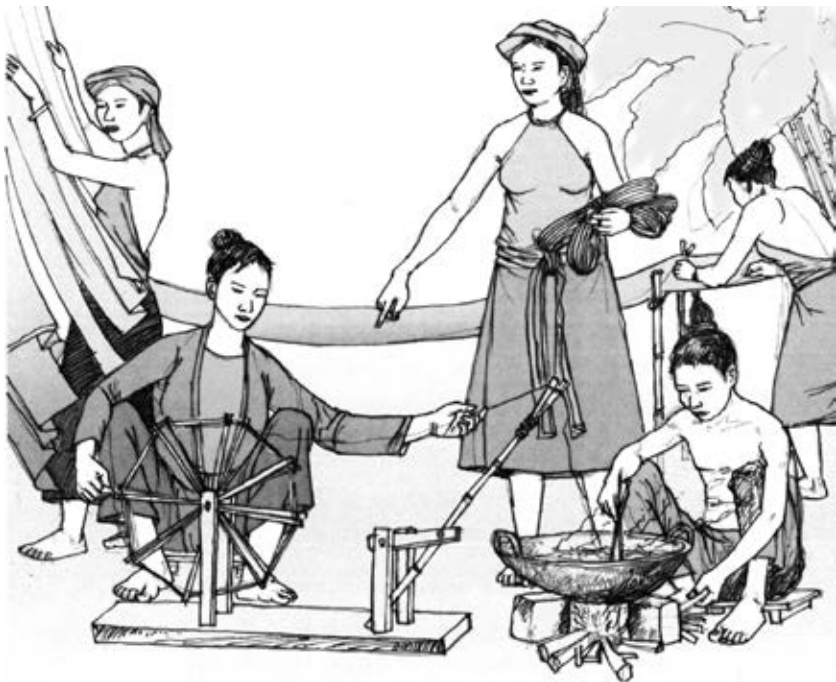
Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác đã miêu tả cảnh sinh hoạt ở phủ chúa Trịnh như sau: “... theo cửa bên phải dinh phủ mà đi, vòng quanh ước chừng một dặm, nơi nào cũng lầu, đài, đình, gác, rèm châu cửa ngọc, ánh nước mây lồng, suốt lối toàn hoa kỳ cỏ lạ, gió thoảng hương trời, thú đẹp chim quý nhảy nhót bay hót. Giữa đất bằng nhô lên một ngọn núi cao, cây to bóng mát, nhịp cầu son vẽ bắt qua lạch nước quanh co, lại có lan can làm toàn bằng đá màu. Tôi vừa đi vừa ngắm, thực chẳng khác gì ở cõi tiên vậy”.



Vào những ngày lễ Tết, phủ chúa càng trở nên lộng lẫy. Tết Trung thu, chúa Trịnh cho treo hàng nghìn lồng đèn khắp phủ chúa. Mỗi lồng đèn có giá mấy chục lượng vàng.

Đêm Trung thu, chúa ngự ở Bắc cung. Trong cung có ao gọi là Long trì, rộng nửa dặm. Trong ao trồng nhiều hoa sen, hoa súng. Ven ao đắp đất làm núi, có chỗ cao, chỗ thấp, lại có chỗ cho nhạc công ngồi thổi sáo, đánh đàn. Bờ ao trồng nhiều cây phù dung, treo lồng đèn ở trên.

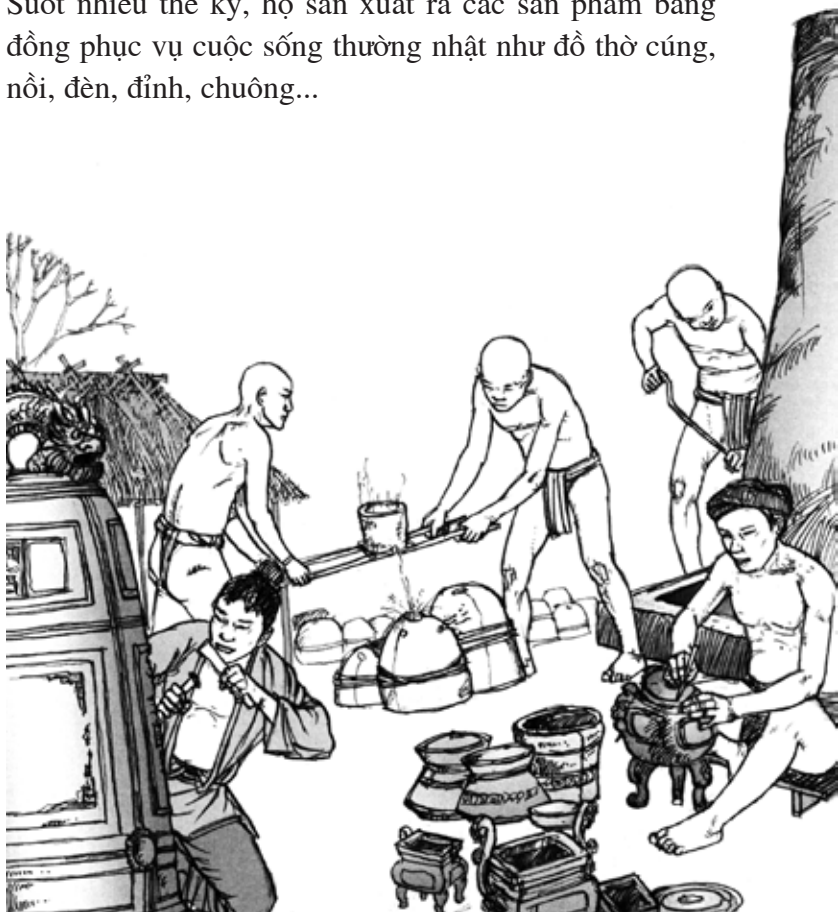




Thăng Long là nơi tập trung nhiều nghệ nhân, thợ giỏi của các ngành nghề. Họ sống tập trung thành từng phố, từng phường nghề khác nhau. Các phố, phường nghề lớn của Thăng Long bấy giờ là dệt, nhuộm, sơn, khảm, khắc, làm đồ da, làm đồ mây tre, rèn, đúc, mỹ nghệ...

Nghề dệt ở Thăng Long là được biết đến nhiều hơn cả. Nhiều làng nghề, phường nghề được truyền tụng như làng trồng dâu nuôi tằm Nghi Tầm, dệt lụa Yên Thái, Trúc Bạch, Bái Ân, dệt gấm Trích Sài, nhuộm thâm Vọng Thị. Thương gia Dampier đã nhận xét: *“Người ta có thể trông thấy vô vàn tơ lụa mịn đẹp được dệt ở Kẻ Chợ mà các lái buôn phương Tây rất thèm khát được mua về nước hoặc đặt hàng trước cho các thợ thủ công gia công”*.

Thời kỳ này, thợ đúc đồng thuộc các làng Mế, Hè, Mai, Dí Trên, Dí Dưới thuộc tổng Đề Kiều (nay là huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh) đã đến cư ngụ ở Thăng Long, lập ra Ngũ Xã tràng (nay là làng Ngũ Xã, phường Trúc Bạch, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội). Sau đó, các thợ đúc ở các làng Đông Mai (xã Trung Nghĩa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh), Đại Bái (xã Đại Bái, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh) cũng tụ hội ở Thăng Long. Suốt nhiều thế kỷ, họ sản xuất ra các sản phẩm bằng đồng phục vụ cuộc sống thường nhật như đồ thờ cúng, nồi, đèn, đỉnh, chuông...



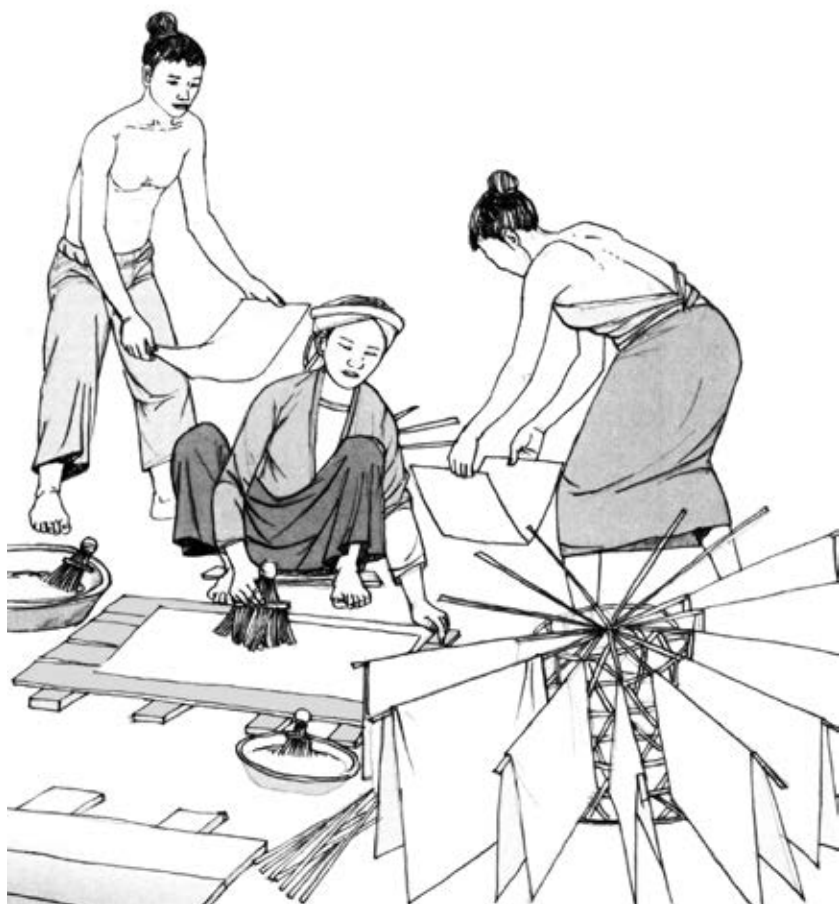
Khi chúa Trịnh Tạc đem quân đi đánh nhà Mạc đã mộng thấy Huyền Thiên Trấn Vũ chỉ bảo, giúp sức. Thắng trận, năm 1677, chúa sai đúc tượng Huyền Thiên thật lớn, đặt ở quán Trấn Vũ để tạ ơn.



Dưới sự điều khiển của ông trùm Trọng, thợ đúc làng Ngũ Xã đã hoàn thành pho tượng cao 9 thước ta (tương đương 3,7m), nặng hơn 6.000 cân ta (tương đương 4.000kg). Pho tượng là đỉnh cao nghệ thuật đúc đồng của dân tộc ta. Người đời sau còn tạc tượng ông trùm Trọng, đặt thờ trong đền để tôn vinh người thợ cả tài hoa này.



Các làng Hồ Khẩu, Đông Xá, Yên Thái, Nghĩa Đô (nay đều thuộc quận Tây Hồ, Hà Nội) nổi tiếng với nghề làm giấy. Giấy Yên Thái nổi tiếng sáng và bền. Giấy để trong tủ kín vài chục năm cũng không bị ngả màu, mục nát. Giấy Yên Thái có nhiều kích cỡ khác nhau, phù hợp nhu cầu của người dùng.





Sản phẩm cao cấp nhất của Yên Thái là giấy rồng. Giấy rồng là loại giấy có hình mây, rồng rất sống động ẩn trên mặt giấy. Giấy còn được nhuộm bằng nước ngâm hoa hòe nên vừa có mùi thơm, lại ngả màu vàng. Sau khi ngâm, giấy được tô thêm một lớp kim nhũ tạo sự óng ánh cho giấy. Sắc phong cho những người có công với nước được vua khen thưởng, được viết trên loại giấy này.

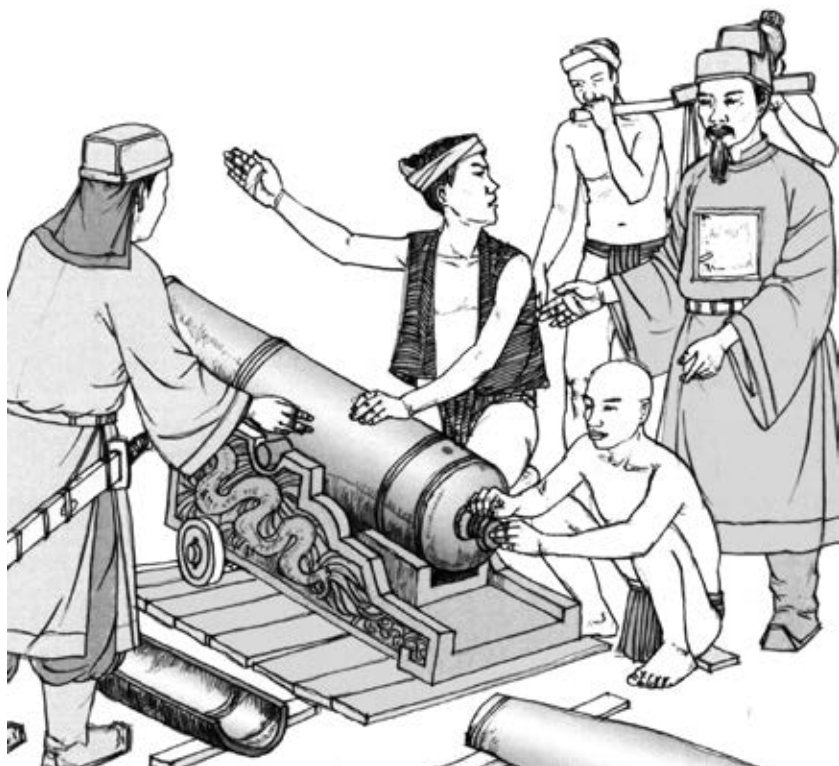
Làng Nghĩa Đô thì nổi tiếng với các loại giấy cao cấp khác như giấy nhè (giấy nhẵn, mịn), giấy sắc, giấy lệnh (gần giống với giấy rồng nhưng chất lượng kém hơn một chút). Còn làng Cót (còn có tên là làng Yên Hòa, nay thuộc phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội) thì tận dụng phần nguyên liệu dư ra của các làng giấy khác mà làm nên giấy xẻ dùng để gói hàng.





Ngề làm giấy phát triển rất mạnh trong thời kỳ này. Hoạt động sản xuất diễn ra liên tục quanh năm. Và những thanh âm cùng hình ảnh của nghề đã đi vào tâm thức của người dân vùng Hồ Tây khi đó: “*Tiếng chày giã dó trong sương/ Tiếng ai xeo giấy mà vương vấn lòng*” hay “*Ai ơi đứng lại mà trông/ Kìa vạc nấu dó, kìa sông dài bìa*”.

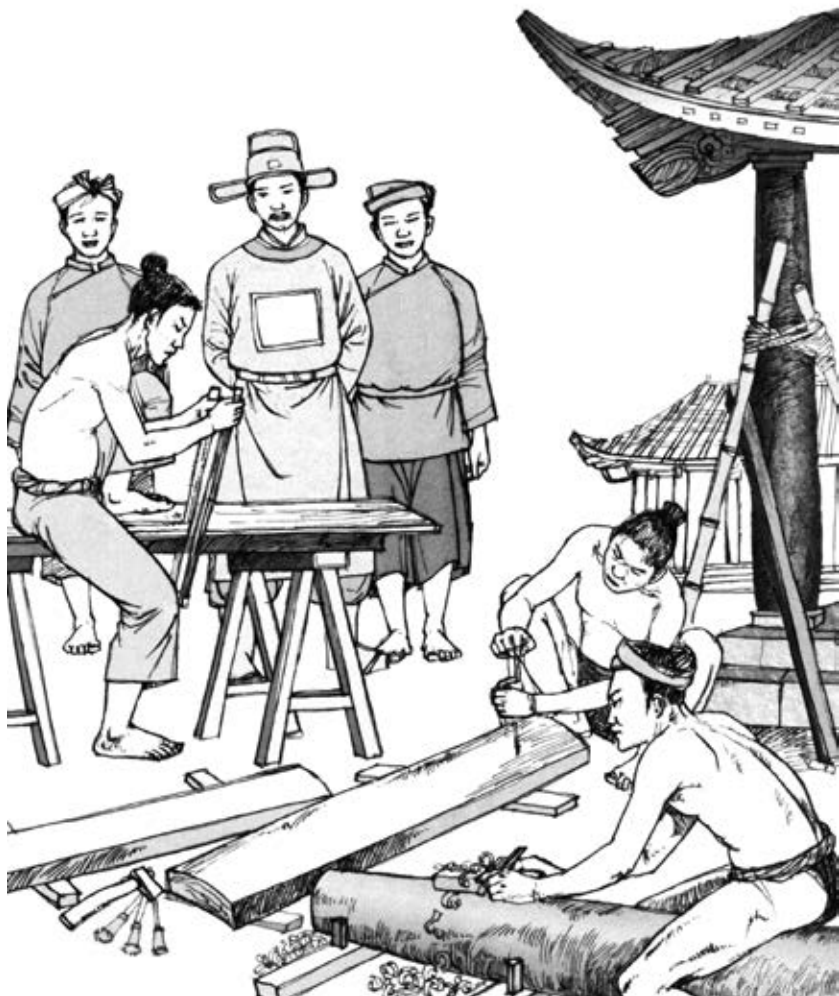
Ngoài hoạt động sản xuất nhỏ và lẻ của người dân, triều đình cũng tổ chức nhiều hoạt động sản xuất quy mô lớn. Đó là các xưởng sản xuất sản phẩm xa xỉ phục vụ đời sống vua chúa, quan lại và các xưởng đóng tàu, đúc súng... Những xưởng này được gọi là Cục Bách công. Riêng hoạt động đúc tiền, chúa Trịnh cho lập hai xưởng đúc ở Nhật Chiêu (nay là làng Nhật Tân, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, Hà Nội - xưa làng Nhật Tân vốn tên là Nhật Chiêu, đến đời vua Thành Thái nhà Nguyễn, vì kỵ húy tên thật của vua là Nguyễn Phúc Chiêu nên đổi Nhật Chiêu thành Nhật Tân) và Cầu Dền (nay thuộc phường Ô Cầu Dền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội).





Cục Bách công là nơi quy tụ những nghệ nhân tài hoa của dân gian. Họ được tổ chức thành đội ngũ như trong quân đội và bị cưỡng bức lao động. Các nghệ nhân, thợ lành nghề phải làm việc cật lực trong các quan xưởng ở kinh đô hoặc ở các cung điện đang được xây dựng. Đến khi họ không còn khả năng lao động, triều đình mới trả họ về.

Vì sợ bị triều đình triệu tập về Cục Bách công, các nghệ nhân dân gian thời kỳ này không dám trổ hết tài hoa. Việc làm này đã cản trở sự phát triển của nhiều ngành nghề trên cả nước.

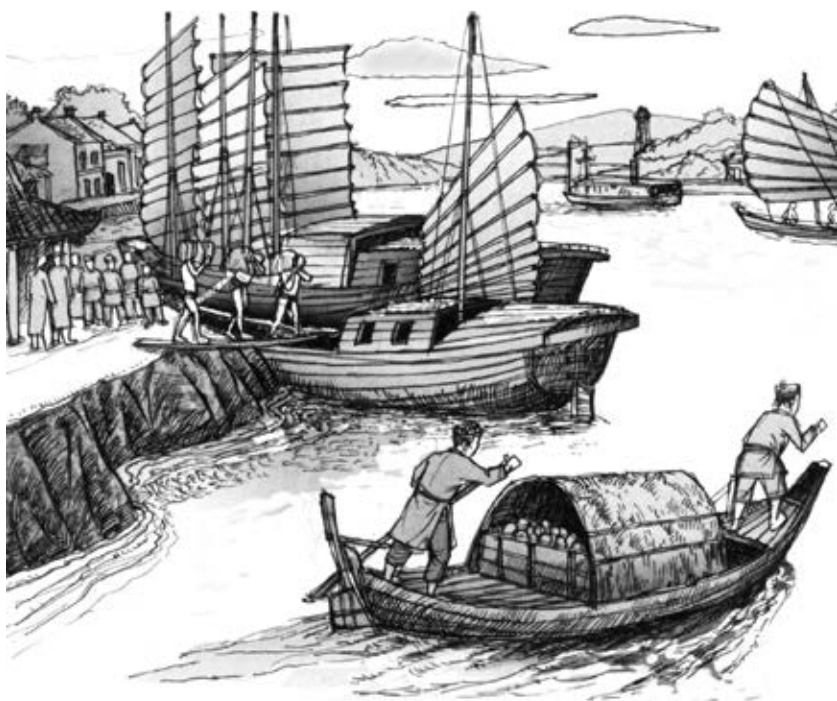




Gia phả họ Đào ở làng Thọ Vực ở trấn Kinh Bắc (nay là làng Thọ Vực, xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên) có chép câu chuyện trung tập nghệ nhân thời kỳ này. Nghệ nhân Đào Thúc Kiên rời làng lên Thăng Long sinh sống. Biết ông có tài vẽ tranh, quan lại ở Thăng Long bắt ông phải vẽ một bức tranh quả dưa, hẹn năm ngày phải xong.

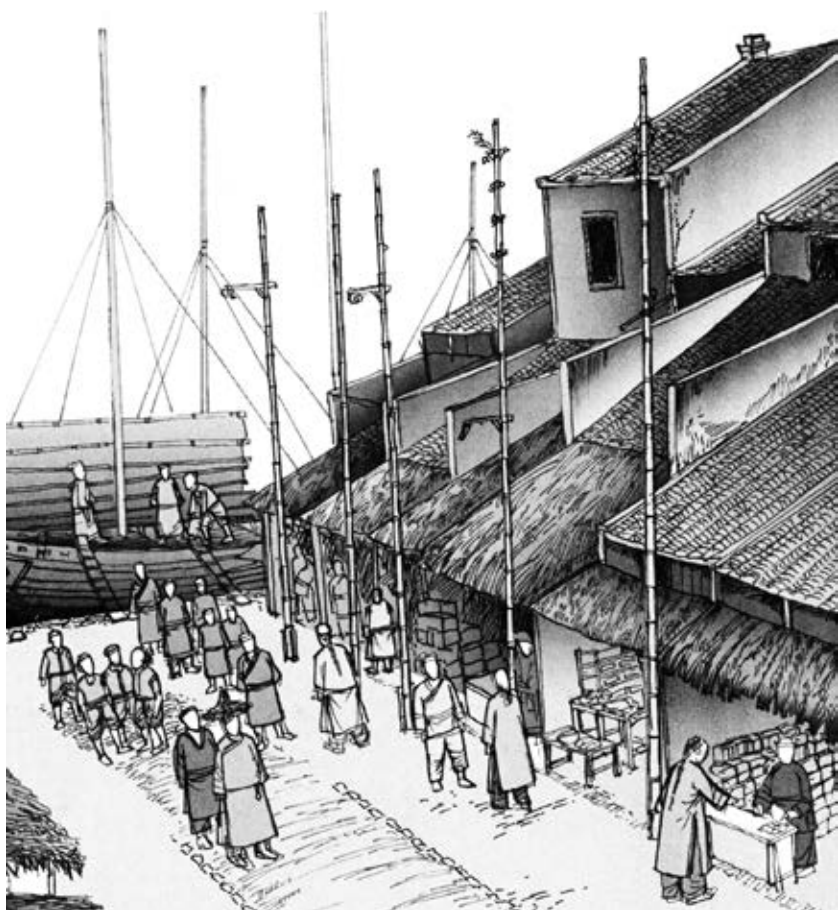
Đào Thúc Kiên vốn ham uống rượu nên đến cuối ngày thứ tư, bức tranh mới hoàn thành. Khi quan quân đến lấy tranh, bức tranh vẫn còn ướt. Ông đem tranh phơi trên lửa, vô tình khiến nước sơn rạn nứt làm quả dưa ngả màu, như đang chín, vô cùng sống động. Bức tranh đến tay triều đình và ông bị bắt vào làm quan xưởng, lo việc trang trí cung điện cho chúa Trịnh.



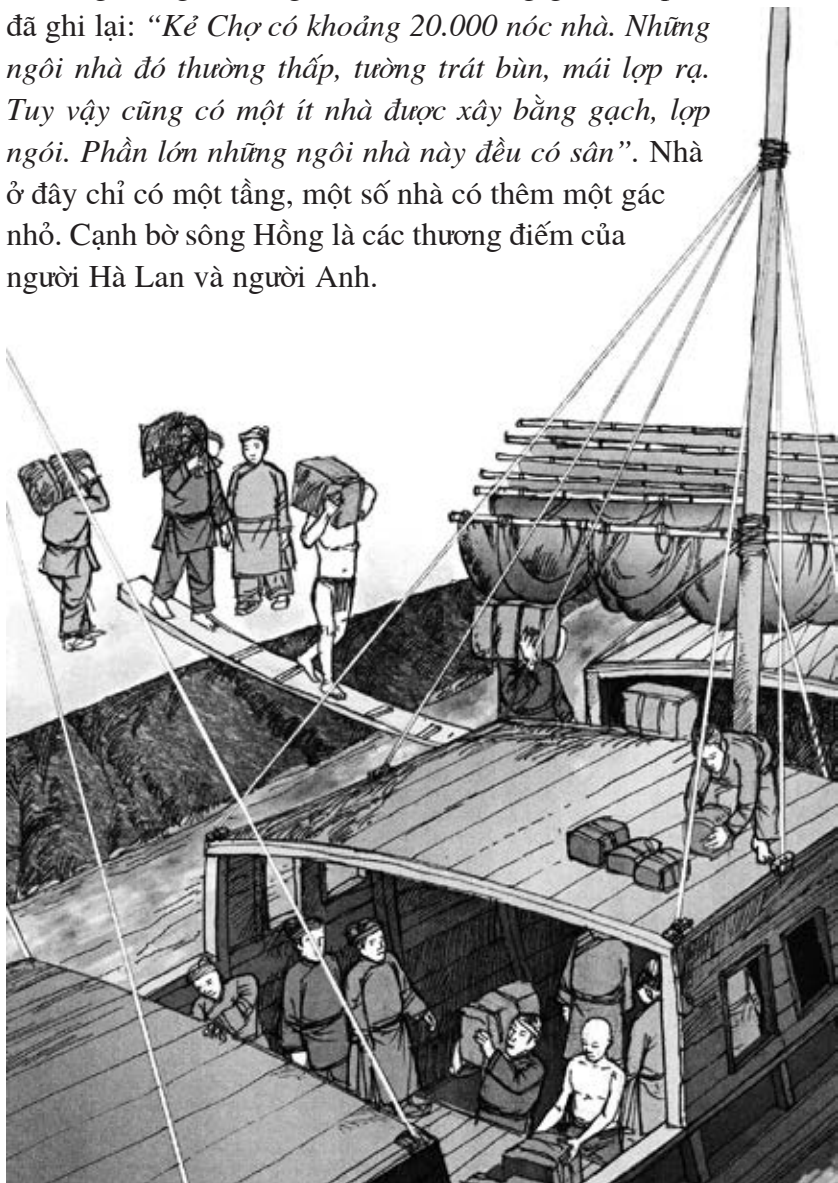


Từ nửa đầu thế kỷ XVII, Thăng Long nổi lên thành trung tâm giao thương với nước ngoài lớn nhất xứ Đàng Ngoài. Ngoài những thương gia người Hoa và người Nhật, thời kỳ này xuất hiện những thương gia Tây phương. Thương nhân Bồ Đào Nha đến Thăng Long vào năm 1626, người Hà Lan đến vào năm 1637, sau đó lần lượt là người Anh, Pháp. Chúa Trịnh Tráng đã cho người Hà Lan lập thương điểm ở Thăng Long. Đến năm 1679, người Anh cũng được lập thương điểm ở kinh đô.

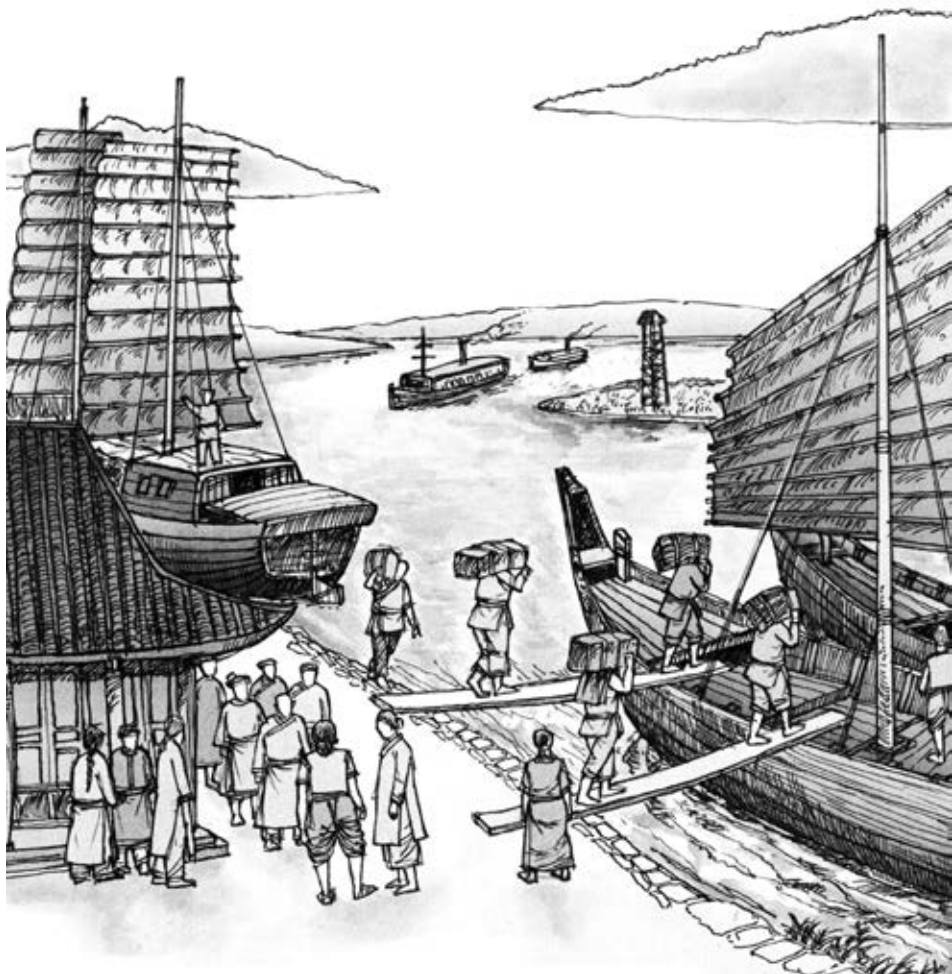
Thuyền buôn khắp nơi trong nước tấp nập tìm về Kê Chợ trong thời gian này. Họ đem theo những đặc sản hoặc những sản phẩm tiêu biểu của quê hương để bán lại cho các thương nhân rồi lại mua hàng hóa từ Thăng Long đem đi khắp các miền. Các thương gia phương Tây đặc biệt thích các mặt hàng thủ công truyền thống.

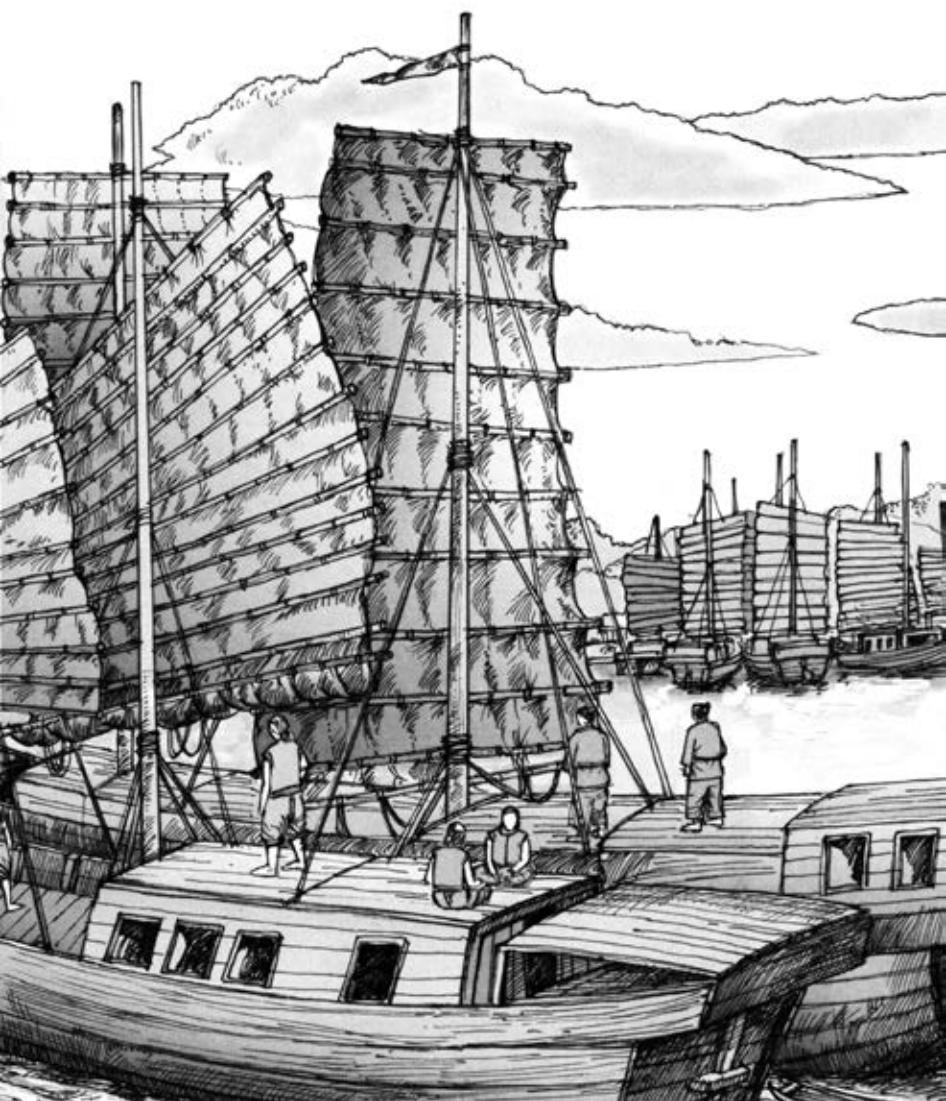


Khu buôn bán nằm ở phía đông Hoàng thành, bên bờ sông Hồng và sông Tô Lịch. Thương gia Dampier đã ghi lại: “*Kể Chợ có khoảng 20.000 nóc nhà. Những ngôi nhà đó thường thấp, tường trát bùn, mái lợp rạ. Tuy vậy cũng có một ít nhà được xây bằng gạch, lợp ngói. Phần lớn những ngôi nhà này đều có sân*”. Nhà ở đây chỉ có một tầng, một số nhà có thêm một gác nhỏ. Cạnh bờ sông Hồng là các thương điểm của người Hà Lan và người Anh.



Phố Hiến (nay thuộc thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên) là một thị tứ quan trọng của Đàng Ngoài, sau Thăng Long. Do có vị trí thuận lợi, Phố Hiến trở thành nơi hội tụ của các thương gia Hoa, Nhật, Anh, Pháp, Hà Lan. Người Hà Lan lập thương điểm ở đây dưới thời chúa Trịnh Tráng, người Anh và người Pháp lập thương điểm dưới thời chúa Trịnh Tạc. Có thể nói Phố Hiến chính là một trung tâm thương mại xuất khẩu của xứ Đàng Ngoài thời kỳ này.







Tại Phố Hiến cũng có hàng chục phường nghề thủ công như nhuộm, chế tác đồ gỗ, làm nồi đất, làm chiếu, làm nón hoa, thuộc da... Đến giữa thế kỷ XVIII, do triều đình thay đổi chính sách về ngoại thương và cũng do sông Hồng đổi dòng, nơi đây không còn tấp nập bán buôn nữa. Phố Hiến dần suy tàn...

SÁCH THAM KHẢO

- Lê Quý Đôn, *Vân Đài loại ngữ*, bản dịch của Tạ Quang Phát, Sài Gòn, 1972.
- Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, bản dịch của Viện Sử học, Hà Nội, 1992.
- Phan Huy Lê, *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam* tập 1, Hà Nội, 1971.
- Nguyễn Thừa Hỷ, *Thăng Long - Hà Nội thế kỷ XVII-XVIII-XIX*, Hội Sử học Việt Nam, Hà Nội, 1993.
- Phan Đại Doãn, Nguyễn Quang Ngọc, *Những bàn tay tài hoa của cha ông*, NXB Giáo Dục, 1993.
- Lê Minh Quốc, *Các vị tổ ngành nghề Việt Nam*, NXB Trẻ, 1998.
- Viện Sử học, *Đô thị cổ Việt Nam*, Hà Nội, 1989.
- Vũ Văn Luận, *Nghề giấy cổ truyền ở phường Bưởi*, Nghiên cứu lịch sử, số 311, tháng 7-7/2000.

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

Tập 45

KINH TẾ ĐẢNG NGOÀI THỜI LÊ - TRỊNH

Trần Bạch Đằng *chủ biên*

Lê Văn Năm *biên soạn*

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN MINH NHỰT

Chịu trách nhiệm nội dung: NGUYỄN THẾ TRUẬT

Biên tập: LÊ HÙNG

Biên tập tái bản: TÚ UYÊN

Bìa: BIÊN THÙY

Sửa bản in: ĐÌNH QUÂN

Trình bày: NGUYỄN VĂN

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,

Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 39316289 – 39316211 – 39317849 – 38465596

Fax: (08) 38437450

E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn

Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,

Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (04) 37734544

Fax: (04) 35123395

E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn

CÔNG TY TNHH SÁCH ĐIỆN TỬ TRẺ (YBOOK)

161B Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 35261001 - Fax: (08) 38437450

Email: info@ybook.vn

Website: www.ybook.vn

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH
NHÂN VẬT LỊCH SỬ TIÊU BIỂU TỪ THỜI KỲ BẮC THUỘC ĐẾN THỜI LÊ SƠ

